

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Quảng Ninh**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;

Căn cứ Tờ trình số 890/TTr-UBND ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh trong chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 8, lớp 9, lớp 12 trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Căn cứ Công văn số 2382/UBND-VHXXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh đối với lớp 8, lớp 11;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Phạm Ngọc Thương

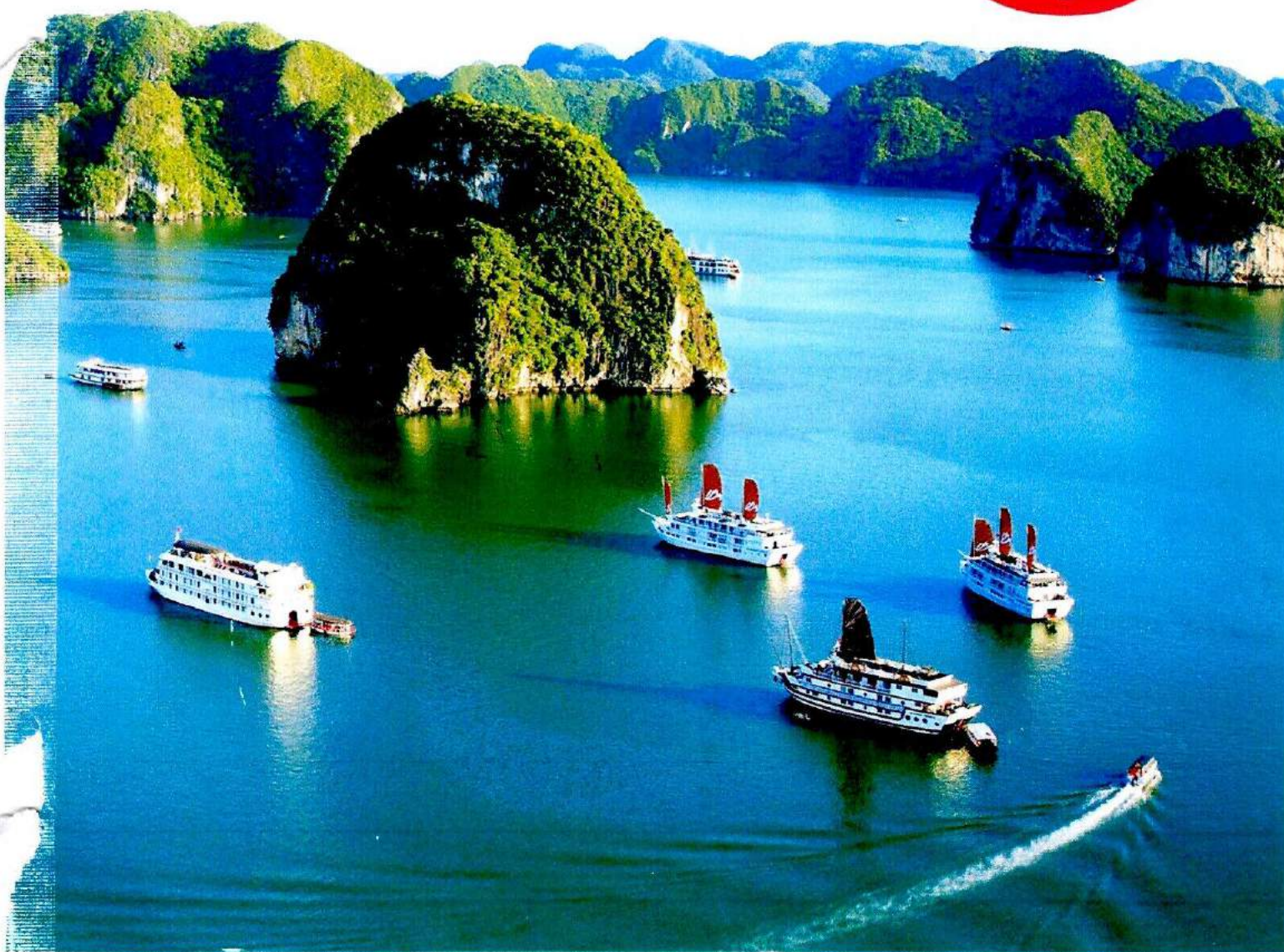
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Tài liệu

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NINH

Lớp **8**



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

NGUYỄN VĂN TUỆ (Tổng Chủ biên)

TRƯƠNG THIẾU HUYỀN – NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN (Đồng Chủ biên)

TRẦN THỊ LAN – ĐẶNG THỊ PHƯƠNG – NGUYỄN CHIẾN HẮNG – BUI ĐỨC TIẾN – VŨ TIẾN TÌNH

TÔ THỊ HUYỀN TRANG – VÕ QUỲNH TRANG

Tài liệu

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH QUẢNG NINH

Lớp

8

Kí hiệu dùng trong sách



MỞ ĐẦU



HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI



LUYỆN TẬP



VẬN DỤNG



CÂU HỎI

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách để dành tặng cho
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Trên tay các em là cuốn “Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh – lớp 8”. Với 5 chủ đề, các em sẽ được tìm hiểu thêm và sâu hơn về các vấn đề: Văn hoá, lịch sử truyền thống; Địa lí địa phương; Kinh tế, hướng nghiệp; Chính trị – xã hội; Môi trường.

Thông qua những hoạt động trong các chủ đề, các em sẽ được khám phá thêm những kiến thức cơ bản về Quảng Ninh. Qua đó, các em được phát triển những năng lực và phẩm chất cần thiết, được bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước. Cuốn sách này sẽ đồng hành với các em trong năm học lớp 8 ở cấp Trung học cơ sở. Hi vọng các em sẽ cùng tìm hiểu, thực hành, trải nghiệm, yêu thích các hoạt động trong sách, say mê học tập. Các em biết liên hệ để hiểu rõ hơn những vấn đề của địa phương, vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hằng ngày, cùng nhau thực hiện những việc làm hữu ích cho bản thân, gia đình, cộng đồng, quê hương.

MỤC LỤC

STT	TÊN BÀI	Trang
	Lời nói đầu	3
Chủ đề 1	VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THÔNG	
1	Quảng Ninh từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX	5
2	Lịch sử khai thác than đá ở Quảng Ninh	14
3	Di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	21
4	Di tích quốc gia đặc biệt của tỉnh Quảng Ninh	28
5	Vịnh Hạ Long với giá trị sinh học, địa chất, địa mạo	40
6	Thực hành lịch sử – Tái hiện lịch sử	50
Chủ đề 2	ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG	
7	Tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ninh	55
Chủ đề 3	KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP	
8	Ngành nghề kinh tế trọng điểm và thị trường lao động ở tỉnh Quảng Ninh	67
Chủ đề 4	CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI	
9	An ninh, an toàn trong trường học ở Quảng Ninh	73
Chủ đề 5	MÔI TRƯỜNG	
10	Đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ninh	78

Chủ đề 1

VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

1 QUẢNG NINH TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

- Khái quát tình hình Quảng Ninh trước khi thực dân Pháp xâm lược.
- Trình bày được quá trình thực dân Pháp xâm lược tỉnh Quảng Ninh.
- Khái quát được cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Quảng Ninh và buổi đầu nhân dân Quảng Ninh đấu tranh bảo vệ quê hương.



Từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX, Quảng Ninh có những thay đổi về tên gọi cũng như những chuyển biến trên các lĩnh vực chính trị – xã hội, kinh tế – văn hoá.

Với sự hiểu biết về lịch sử của đất nước, quê hương, em hãy giới thiệu khái quát những chuyển biến về chính trị – xã hội, kinh tế – văn hoá của Quảng Ninh từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XX.



1. Tình hình Quảng Ninh trước khi thực dân Pháp xâm lược

1.1. An Bang – Đông Triều thời Mạc

a) Tình hình chính trị – xã hội

Bước vào thế kỉ XVI, An Bang – Đông Triều cũng như toàn thể đất nước ta, tình hình chính trị – xã hội không ổn định. Gần trọn thế kỉ XVI tranh giành vì quyền lực, nhà Mạc đã căn bản lấy vùng Đông Bắc làm hậu phương. Nội chiến Lê – Mạc có tác động hai mặt, cả tích cực lẫn tiêu cực đối với vùng Đông Bắc.

EM CÓ BIẾT

Từ đầu thế kỉ XVI, vào đời vua Lê Tương Dực, niên hiệu Hồng Thuận (1509 – 1516), vùng ven biển Hải Dương – Hải Phòng rối loạn, trở thành chiến trường của nhiều thế lực khác nhau, làm cho đời sống của nhân dân vùng Đồ Sơn, Nghi Dương vô cùng điêu đứng và họ đã tìm đường di cư ra vùng biển Hải Ninh kiếm sống. Năm Hồng Thuận thứ ba (1511), những người này vừa tránh loạn, vừa tìm nơi đánh cá, họ đã ra vùng biển Vạn Ninh làm ăn dần dần phát triển thành các làng Vạn Vĩ, Đông Giang, Trà Cổ như ngày nay. Tên Trà Cổ là ghép tên hai làng quê gốc: Trà Phương và Cổ Trai. (Nguồn: Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2001), Địa chí Quảng Ninh, tập 1, NXB Thế giới, tr. 490).

b) Tình hình kinh tế – văn hoá

Thời nhà Mạc, nền nông nghiệp khá ổn định và phát triển, nhiều năm được mùa liên tục; thủ công nghiệp rất phát triển, nhiều làng nghề thủ công đã ra đời; thương nghiệp có dấu hiệu phát triển hơn, đúc nhiều tiền, mở nhiều chợ, một số hệ thống cảng sông đã hình thành ở vùng giáp ranh đồng bằng ven biển – cửa sông như miền Lũng Nhai, Bồ Hạ,... Thuyền buôn Trung Hoa và thuyền buôn phương Tây cũng qua lại vùng biển Đông. Đó là động lực cho thủ công nghiệp, đặc biệt là nghề gốm sứ phát triển ở vùng ven biển Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng,... để phục vụ xuất khẩu.

Những tuyến thương nghiệp nội địa đã tác động đến đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân, với biểu hiện là sự xuất hiện của các pho tượng Nam Hải Quan Âm được thờ ở ven biển, ven sông như là vị thần bảo hộ cho thương nhân, thương thuyền.

1.2. An Quảng – Đông Triều từ thời Hậu Lê đến thời Tây Sơn

a) Tình hình chính trị – xã hội

Thời vua Lê Anh Tông trị vì (1556 – 1573), tên gọi An Bang thời Mạc được nhà vua sửa thành An Quảng. Cuối thế kỉ XVI, sau khi bị đánh bại ở Thăng Long, con cháu nhà Mạc là Mạc Kính Chỉ, Mạc Kính Chương, Mạc Kính Cung kéo nhau ra giữ An Quảng, xây dựng lực lượng chống lại nhà Trịnh. Quân nhà Mạc xây dựng một loạt thành lũy trên các xã Động Linh, Khoái Lạc (nay thuộc Quảng Yên), Xích Thổ (nay thuộc Hạ Long), Cẩm Phả, Vạn Ninh (Móng Cái). Quân nhà Mạc thường dong thuyền đi đánh Đông Triều và các huyện khác của Hải Dương. Năm 1612, quân nhà Mạc bị Trịnh Tráng đánh tan, phải chạy khỏi đất An Quảng. Nhưng sau đó Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan lại quay về, phải đến năm 1625, cuộc kháng cự của quân nhà Mạc mới hoàn toàn chấm dứt ở đây.

Thời Lê – Trịnh, vùng Đông Bắc lâm vào tình trạng chiến tranh, giặc giã quanh năm, làm cho nhân dân đói khổ; ruộng vườn, nhà cửa nhiều nơi bị bỏ hoang; công việc chài lưới, buôn bán không được duy trì. Cuối những năm 70 của thế kỉ XVIII, do đói kém, mất mùa liên miên nên một số người dân họp nhau lại làm cướp, khiến tình hình chính trị – xã hội vô cùng rối ren.

Đến thời nhà Tây Sơn, phủ Kinh Môn được nhập vào An Quảng. An Quảng trở thành một trấn lớn thuộc vùng Đông Bắc.

b) Tình hình kinh tế – văn hoá

Sự phục hồi kinh tế, văn hoá ở An Quảng diễn ra khá nhanh. Quá trình khai hoang lập làng mới diễn ra liên tục. Trên đất Quảng Yên đã ra đời các xã mới như Quỳnh Lâu,

An Lập, Hoàng Lỗ, Dưỡng Động, La Khê, Hưng Học. Thủ công nghiệp chủ yếu là khai thác gỗ để lấy than phục vụ cho các lò rèn đúc của nhà nước.

Giai đoạn này, có sự chuyển biến trong các mối quan hệ giao thương với bên ngoài do sự thay đổi vị trí của các cảng sông, cảng biển, đặc biệt là cảng Vân Đồn. Những tác động này đã làm biến mất hệ thống thương cảng trong mạng lưới giao thương Vân Đồn. Tuy vậy, thương cảng Vân Đồn vẫn còn những hoạt động buôn bán.

Song song với hoạt động thương mại, những hoạt động trong lĩnh vực văn hoá cũng phát triển mạnh mẽ tại vùng Đông Bắc của Tổ quốc trong thời Lê – Trịnh. Phật giáo đã được truyền bá rộng rãi trong ngư dân ở vùng ven biển tạo thành yếu tố nội sinh, vươn lên trong bối cảnh Thiên Chúa giáo đang tìm cách thâm nhập. Tại An Quảng xuất hiện nhiều chùa mới như Lương Sơn, Cổ Giã, Hưng Linh, Long Hoa, Liên Trì, Nha Sơn, Bảo Phúc, Tây Sơn, Sùng Khánh, Hiển Khánh,... Cùng với hàng loạt tháp đá như Tôn Đức, Diệu Đăng, Chân Thường. Thời kì này cũng xuất hiện thêm nhiều ngôi đình, như đình làng Lương Năng, Lương Lãnh (Hoa Phong), đình Trà Cổ, đình làng Phong Cốc,...

1.3. Quảng Yên thời nhà Nguyễn (trước năm 1858)

a) Tình hình chính trị – xã hội

Sau khi nhà Tây Sơn thành lập, các trấn từ Sơn Nam Hạ ra Bắc được đổi gọi là Bắc Thành. Phủ Kinh Môn với 7 huyện, trong đó có cả vùng đất Đông Triều đã được sáp nhập vào An Quảng. Năm 1803, phủ Kinh Môn được trả về trấn Hải Dương. Năm Minh Mạng thứ ba, trấn An Quảng được đổi tên thành trấn Quảng Yên. Năm 1831, trấn Quảng Yên được đổi thành tỉnh Quảng Yên.

Suốt 60 năm đầu thế kỉ XIX, dưới triều Nguyễn, vùng Đông Bắc luôn khốn khổ vì giặc cướp. Gắn liền với quá trình dẹp giặc, triều Nguyễn đã chú ý ổn định nơi cư trú của dân chúng miền biên giới xa xôi, nhất là trên các hòn đảo. Sự hình thành làng Hướng Hoá trên quần đảo Chàng Sơn, sau gọi là quần đảo Cô Tô (Câu Đầu) chính là từ yêu cầu an ninh và quốc phòng. Cũng trong thời Nguyễn, hàng loạt đồn bảo vệ đã được xây dựng nhằm mục đích tuần phòng ven biển để bắt cướp và thu thuế của người dân làm nghề biển.

b) Tình hình kinh tế – văn hoá

Với chính sách “Bế quan toả cảng”, khước từ mọi giao lưu với phương Tây, cấm người dân buôn bán với ngoại quốc, vua Minh Mạng đã từ chối nhiều yêu cầu đặt quan hệ thương mại của phương Tây. Đến thời vua Thiệu Trị, quan hệ thương mại với nước ngoài cũng không được cải thiện. Đó là một khó khăn cho sự phát triển kinh tế, thương mại của Quảng Yên, một vùng biển sẵn thế mạnh về kinh tế biển – thương mại.

Những năm 30 – 40 của thế kỉ XIX, nông nghiệp Quảng Yên cũng gặp nhiều khó khăn. Ruộng đất nông nghiệp bị bỏ hoang nhiều. Đối với cư dân vùng biển Đông Bắc, họ chủ yếu phát triển nghề đánh cá biển, tuy nhiên số đông dân chài là những người sống lang thang trên biển, họ không định cư tại một địa điểm, mà nay đây mai đó khắp vùng. Họ làm muối và khai thác hải sản để sinh sống. Ngoài ra nghề khai thác than đá bắt đầu manh nha ở Quảng Ninh từ nửa đầu thế kỉ XIX, nhưng trước khi thực dân Pháp xâm lược vẫn chưa có điều kiện phát triển.

Về lĩnh vực văn hoá giáo dục và sinh hoạt tinh thần nói chung, vào nửa đầu thế kỉ XIX cũng có một số chuyển biến đáng chú ý. Nho học được đề cao, Văn Miếu được xây dựng tại các trấn lỵ. Năm 1831, triều đình cho xây dựng Nha học chính ở trấn lỵ Quảng Yên, sau đó đổi thành trường học. Triều đình cũng đặt một viên huấn đạo trông nom việc giảng dạy. Nhân dân Quảng Yên, Đông Triều có điều kiện bồi đắp và phát huy truyền thống hiếu học.



- ① Khái quát tình hình Quảng Ninh trước khi thực dân Pháp xâm lược.
- ② Em hiểu biết gì về tên gọi An Bang, An Quảng, Quảng Yên trong thời kì này?

2. Thực dân Pháp xâm lược và thiết lập chính sách cai trị tại Quảng Ninh (Quảng Yên – Hải Ninh)

Ngày 12-3-1883, sau khi đánh chiếm xong Hà Nội, 500 lính Pháp do Hăng-ri Ri-ve-e (Henri Rivière) – tổng chỉ huy cuộc xâm lược Bắc Kỳ lần thứ hai, đã tiến hành đánh chiếm khu mỏ Hòn Gai, Quảng Yên. Kể từ đó, Quảng Ninh đã cùng toàn thể dân tộc Việt Nam phải liên tục đấu tranh chống lại ách thống trị của thực dân Pháp.

Tại Quảng Ninh, thực dân Pháp đã thiết lập chính sách cai trị hà khắc trên nhiều mặt. Về mặt hành chính, khu mỏ Quảng Ninh xưa thuộc quyền quản lí của Công sứ Quảng Yên và Hải Dương. Chính quyền thực dân đặt ở mỗi công ti lớn một bộ máy cai trị với đầy đủ các công cụ bạo lực, bao gồm: quân đội, cảnh sát, mật thám, nhà tù,... chỉ đạo thẳng từ tỉnh xuống theo hệ thống ngành dọc. Riêng Công ti Pháp mỏ than Bắc Kỳ (SFCT), Công sứ Quảng Yên tổ chức thành một khu vực hành chính, đứng đầu là đại lí mỏ, đặt trụ sở tại Cẩm Phả, bên cạnh đó là bộ máy hành chính của triều Nguyễn đứng đầu cũng là đại lí, đặt trụ sở tại Hòn Gai.

Về mặt quản lí, các công ti mỏ của thực dân Pháp là do chính quyền thực dân điều hành, song trong chừng mực có sự thoả thuận của bọn chủ mỏ, hoặc được chúng yêu cầu tiến hành. Điều đó thể hiện rõ ở SFCT. Tại đây, những công cụ bạo lực của chính quyền thực dân thường là đứng vòng ngoài, đóng vai trò hỗ trợ, phối hợp, hoặc làm chỗ dựa cho các công ti mỏ. Kể có quyền trực tiếp giải quyết các công việc hành chính ở mỏ là bộ máy cưỡng bức lao động, trong đó mật thám được tổ chức thành hệ thống chặt chẽ, kết hợp công khai và trá hình. Các thế lực này được đặt dưới quyền điều hành của giám đốc công ti mỏ.

SFCT và SCDT (công ti than Đông Triều) là những khu nhượng địa vĩnh viễn của bọn đại tư bản Pháp, đều có chế độ độc quyền. Đó cũng chính là cơ sở chính trị để mỗi công ti mỏ lớn được thành lập.



Hình 1.1. Một góc mỏ than Ké Bào (thành lập ngày 1-9-1888)

Ngoài khu vực mỏ, tại những vùng nông nghiệp như Đông Triều, thực dân Pháp thi hành chế độ cai trị khắt khe hơn. Tại đây, chúng thiết lập cả ba loại đồn: lính chính quy, lính khố xanh và đồn cảnh sát để sẵn sàng đàn áp, bắt bớ những người chống đối và các cuộc nổi dậy. Đó cũng là hình ảnh chung về chế độ cai trị của thực dân Pháp tại các khu vực hành chính ở Quảng Yên – Hải Ninh sau khi thực dân Pháp hoàn thành xâm lược vùng này.



Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách cai trị tại Quảng Yên – Hải Ninh như thế nào? Vì sao Pháp lại thực hiện các chính sách cai trị đó ở nơi đây?

3. Giai đoạn đầu nhân dân Quảng Ninh (Quảng Yên – Hải Ninh) đấu tranh bảo vệ quê hương

Trong giai đoạn từ năm 1885 đến những năm đầu thế kỉ XX, các cuộc khởi nghĩa hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp đã nổ ra liên tiếp và rầm rộ ở vùng Đông Bắc nước ta. Có khi trên một địa bàn như đảo Cái Bàu, đảo Cái Bàn, vùng rừng núi Đông Triều có tới hai, ba cuộc nổi dậy một lúc, có cuộc kéo dài gần chục năm trời. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa sau đây:

3.1. Khởi nghĩa của Thiên Địa Hội tại Móng Cái

Sau Hiệp ước Thiên Tân (1885) kí giữa chính phủ thuộc địa Pháp và nhà Thanh, biên giới Việt – Trung đã được hoạch định lại. Một phái đoàn của thực dân Pháp do Hai-xơ (Haitce) và Bốt-tanh (Bostin) dẫn đầu đến Móng Cái để đàm phán với đại diện của nhà Thanh. Nhưng khi vừa tới Móng Cái, chúng được tin nhân dân vùng này đã tập hợp nhau lại trong một tổ chức quần chúng rộng rãi mang tên Thiên Địa hội. Tháng 11-1885, tổ chức này khởi nghĩa chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa có tiếng vang lớn, thực sự làm cho quan quân Pháp suốt nhiều năm ăn không ngon ngủ không yên. Đó là niềm tự hào, cổ vũ và khích lệ lớn lao đối với phong trào chống Pháp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh Quảng Ninh.

3.2. Khởi nghĩa của Đốc Tít tại Đông Triều

Đông Triều là một trung tâm kháng chiến kiên cố thuộc khu vực đồng bằng Bắc Bộ trong phong trào Cần Vương. Thời gian này, Đông Triều thuộc khu vực hành chính Hải Dương.

Đốc Tít tham gia hoạt động chống Pháp trên địa bàn Hải Dương trong những năm 1882 – 1883, đã từng bị địch bắt, sau đó trốn thoát được. Đầu tháng 8-1884, khi Đốc Tít trở về làng Yên Lưu (Đông Triều) đã bị thực dân Pháp tại Hải Phòng phát hiện, chúng đem theo 25 lính bản xứ và một viên đội Tây, một viên đội người Nam đến vây bắt. Tuy nhiên, chúng bị nghĩa quân chống trả quyết liệt, nghĩa quân giết chết một viên đội địch, quân Pháp phải rút lui. Ngày 12-8-1884, địch đem 2 tàu chiến đến tấn công làng. Đốc Tít rút lên xây dựng căn cứ tại Trại Sơn, một vùng núi hiểm trở nằm giữa ba con sông: sông Hán, sông Con và sông Kinh Thầy. Ngày 30-11-1885, quân Pháp mở trận tấn công quy mô lớn vào Trại Sơn, chúng phối hợp cả pháo binh, công binh và bộ binh. Đến 11-12-1885, nghĩa quân phải rút khỏi Trại Sơn, lập căn cứ mới tại vùng cù lao Hai Sông.

Khi căn cứ Hai Sông được củng cố vững mạnh, ngày 10-7-1886, hơn 1.100 nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Đốc Tít mở cuộc tấn công vào đồn Đông Triều, sau đó tiếp tục đánh phá các huyện Hiệp Sơn và Chí Linh. Kẻ địch buộc phải lập thêm nhiều đồn bốt mới, tăng thêm số lượng lính khố xanh cho tỉnh lỵ Hải Dương, Kẻ Sặt, đặc biệt tại miền núi Đông Triều và từ Nam Mẫu đến Phả Lại. Hoạt động của nghĩa quân Đốc Tít càng ngày càng gây cho quân Pháp nhiều nỗi kinh hoàng. Trong hai ngày 11 và 12-9-1888, nghĩa quân đã tấn công đồn Uông Bí. Tháng 5-1889, nghĩa quân đón đánh tàu địch trên sông Kinh Thầy. Sau những trận đánh lớn ấy, lực lượng của nghĩa quân đã bị tổn thất không ít. Ngày 12-8-1889, Đốc Tít buộc phải giải tán nghĩa quân. Ông và 150 người thân tín lánh về vùng Quảng Yên, sau đó ông bị Pháp bắt, đày đi tận An-giê-ri và mất ở đó.

3.3. Khởi nghĩa của Lưu Kỳ tại Đông Triều – Phả Lại

Sau khi Đốc Tít bị bắt, số nghĩa quân còn lại vẫn tập hợp cùng Lãnh Pha, Lãnh Hi đánh Pháp, đặc biệt trong đó có đội quân của Lưu Kỳ – mà Pháp gọi là giặc Khách – vẫn tiếp tục chiến đấu. Địa bàn hoạt động của đội quân Lưu Kỳ là vùng Đông Triều – Phả Lại. Nghĩa quân không đóng cố định tại một nơi, mà thường di chuyển trong địa bàn làm cho kẻ địch phải thừa nhận là rất khó truy bắt. Ông có những chiến thuật khá độc đáo nhằm tăng thế mạnh cho mình và làm giảm ưu thế của quân Pháp. Năm 1890, ông tổ chức bắt cóc hai thương nhân Pháp ở Hải Phòng khi họ tới đồn điền của mình tại Đông Triều. Mục đích của hành động này là để đòi tiền chuộc, tạo lợi thế đàm phán để ép địch phải giảm bớt các hoạt động quân sự, tạo điều kiện cho nghĩa quân củng cố lực lượng.

Trong vòng mấy năm liền, Pháp phải tốn rất nhiều công sức, tiền của và sinh mạng mà vẫn không thể tiêu diệt được đội quân của Lưu Kỳ. Về sau, lực lượng quân địch quá đông nên nghĩa quân vừa đánh vừa rút về đèo Cái Trâm, rồi đến Nam Mẫu.

3.4. Các hoạt động chống Pháp khác tại Đông Triều và các vùng lân cận

Các cuộc khởi nghĩa của Đốc Tít và Lưu Kỳ đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào chống Pháp phát triển mạnh tại khu vực Đông Triều và các vùng lân cận. Sau khởi nghĩa của Lãnh Pha, thời kì 1892 – 1893, tại vùng Đông Triều lại nổi lên một cuộc kháng chiến mới do Quản Hoa đứng đầu. Mặc dù quân số ít, nhưng ông đã kiên trì chiến đấu cùng các thủ lĩnh khác như Đốc Thu, Đốc Duyệt và Đốc Tông, Đốc Nghệ và đã thu được một số thắng lợi nhất định.

Từ năm 1896, phong trào đấu tranh chống Pháp tại vùng Đông Triều dần lắng xuống. Đây là giai đoạn đấu tranh vũ trang rộng lớn cuối cùng trên vùng đất này trong thời kì trước khi có Đảng. Tuy nhiên, phong trào chống Pháp vẫn không hề tắt hẳn. Vào năm 1909, hơn 200 nghĩa quân người Hoa do thủ lĩnh Lương Tự Xuân và Tạ Hiền Sĩ chỉ huy đã nổi dậy ở Dương Mao, gần làng Phong Cốc. Sau khi nghĩa quân bị chặn đánh, đã quay về vùng núi Đông Triều tiếp tục chiến đấu, được một thời gian thì chạy lên Bắc Giang.

Mặc dù chưa thành công, nhưng sự nghiệp đấu tranh chống Pháp của nhân dân Đông Triều đã thể hiện lòng yêu nước thiết tha, chí căm thù giặc sâu sắc và tinh thần chiến đấu quyết liệt của mình. Tinh thần yêu nước đó không lúc nào nguôi, cứ âm ỉ cháy mãi trong lòng dân, làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp giải phóng quê hương dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

3.5. Công nhân mỏ trong các cuộc đấu tranh chống Pháp trước khi có Đảng

Phong trào chống Pháp ở Quảng Ninh trong thời kì này là một bộ phận quan trọng của phong trào dân tộc, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc dưới ngọn cờ yêu nước. Cùng với hoạt động của Lãnh Pha, Lãnh Hi, trong cuộc khởi nghĩa do Lưu Kỳ lãnh đạo, công nhân các mỏ ở Hòn Gai, Đồng Đăng, Yên Lập, Uông Bí, Tràn Bạch, Mạo Khê,... đều trực tiếp tham gia vào lực lượng nghĩa quân hoặc chịu ảnh hưởng ít nhiều. Đây là những hoạt động tiêu biểu của người thợ mỏ Quảng Ninh, là cơ sở hình thành nên đặc điểm chủ yếu của phong trào công nhân mỏ Quảng Ninh trước khi Đảng ra đời.

Trong quá trình tham gia các cuộc đấu tranh chống Pháp, thợ mỏ Quảng Ninh cũng có những hoạt động theo phương thức đấu tranh lẻ tẻ, từng cá nhân hoặc từng nhóm người. Ý thức dân tộc, chủ nghĩa yêu nước chân chính là tư tưởng chủ đạo của phong trào công nhân Việt Nam nói chung, của công nhân mỏ Quảng Ninh nói riêng. Đó là điểm xuất phát của họ, từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin.



- ① Tình hình Quảng Ninh (Quảng Yên – Hải Ninh) trong giai đoạn đầu đấu tranh chống lại các chính sách cai trị của thực dân Pháp có đặc điểm gì nổi bật?
- ② Nhân dân Quảng Ninh (Quảng Yên – Hải Ninh) đã đấu tranh bảo vệ quê hương như thế nào?



4. Lập bảng thống kê những nét chính về tình hình chính trị – xã hội, kinh tế – văn hoá của Quảng Ninh trước khi thực dân Pháp xâm lược theo mẫu sau:

Tên thời kì	Chính trị – xã hội	Kinh tế – văn hoá
An Bang – Đông Triều thời Mạc	Không ổn định	?
?	?	?
?	?	?

5. Bổ sung các thông tin về quá trình thực dân Pháp xâm lược Quảng Ninh (Quảng Yên – Hải Ninh) và buổi đầu nhân dân Quảng Ninh đấu tranh bảo vệ quê hương theo sơ đồ sau:



6. Trường học của em đang chuẩn bị tổ chức triển lãm về lịch sử tỉnh Quảng Ninh. Em hãy vẽ hoặc sưu tầm tư liệu về chủ đề *Quảng Ninh từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX* và giới thiệu với thầy cô, bạn bè.

7. Viết một bài giới thiệu (khoảng 300 từ) về giai đoạn đầu nhân dân Quảng Ninh (Quảng Yên – Hải Ninh) đấu tranh bảo vệ quê hương trong những năm cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

2

LỊCH SỬ KHAI THÁC THAN ĐÁ Ở QUẢNG NINH

- Nêu được thời gian, địa điểm phát hiện ra than đá đầu tiên của Quảng Ninh.
- Khái quát quá trình khai thác than đá của triều đình nhà Nguyễn trước khi thực dân Pháp xâm lược.
- Trình bày được quy mô, mục đích, quá trình khai thác than đá của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Phân tích được những tác động từ chương trình khai thác than đá của thực dân Pháp đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Quảng Ninh.



Quá trình khai thác than đá ở Quảng Ninh bắt đầu từ thời nhà Nguyễn. Khi thực dân Pháp xâm lược, thống trị vùng Đông Bắc thì đồng thời cũng chiếm giữ hoàn toàn các mỏ than ở đây. Lịch sử khai thác than đá ở Quảng Ninh đã ghi lại dấu ấn qua từng giai đoạn với những chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội.

Với sự hiểu biết về lịch sử quê hương, em hãy giới thiệu khái quát quá trình khai thác than đá ở Quảng Ninh qua các giai đoạn lịch sử.



1. Khái quát quá trình khai thác than đá của triều đình nhà Nguyễn trước khi thực dân Pháp xâm lược

Từ đầu thế kỷ XIX, đặc biệt là từ thời Minh Mạng (1820 – 1840), than đá ở khu vực Đông Triều đã bắt đầu được khai thác. Năm 1837, nhà Nguyễn cho vận chuyển 100 tấn than đá từ Đông Triều về kinh đô.

Năm 1838, Tổng đốc Hải An là Tôn Thất Bật dâng sớ lên vua, xin thuê nhân công khai thác than đá tại núi Yên Lãng (nay là phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều). Ngày 10-01-1840 (tức ngày 6 tháng 12 âm lịch) năm Minh Mệnh thứ 20, nhà vua ra "chỉ dụ" chuẩn y sớ tấu cho phép khai thác than đá tại núi Yên Lãng, đã đánh dấu thời điểm nhà nước đứng ra khai thác than đá theo quy mô lớn. Sự kiện này đã đánh dấu sự ra đời của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam. Quảng Ninh có nguồn than lớn, chất lượng tốt, có cảng biển và đường giao thương quốc tế thuận lợi, vì thế các tập đoàn tư bản nước ngoài luôn luôn nhòm ngó.

Dưới thời trị vì của vua Tự Đức (1847 – 1883), mỏ than Mạo Khê được giao cho một chủ người Hoa khai thác. Ở khu vực Hòn Gai – Cẩm Phả đã có chủ người Trung Quốc khai thác, kinh doanh.

Năm 1879, sau sự kiện Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, triều Nguyễn cho một người Pháp là Bô-đi-ơ khai thác mỏ than Đầm Khê ở Đông Triều, rồi đến một người Phổ⁽¹⁾ là Li-ri cùng một người nhà Thanh⁽²⁾ là Trần Mục Thần khai thác mỏ than ở Mạo Khê.

Năm 1881, một tập đoàn thăm dò của Pháp do Phuy-xơ, kĩ sư trưởng ngành khai thác mỏ, dẫn đầu sang thăm dò than ở Hòn Gai. Cũng trong thời gian này, tập đoàn phong kiến Trung Quốc, đại diện là Lý Hồng Chương, cũng yêu cầu triều đình nhà Nguyễn cho chúng được khai thác than ở Đông Triều và Hòn Gai.

Năm 1882 thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai. Sau khi chiếm được thành Hà Nội, chúng đem quân đánh chiếm khu mỏ. Từ đó, khu mỏ Quảng Ninh bắt đầu thời kì thực dân Pháp chiếm giữ và khai thác.



Hình 2.1. Văn tự của triều đình nhà Nguyễn về việc bán khu mỏ Hòn Gai cho thực dân Pháp



Em hãy khái quát quá trình khai thác than đá của triều đình nhà Nguyễn ở Quảng Ninh trước khi thực dân Pháp xâm chiếm khu mỏ.

2. Thực dân Pháp khai thác than đá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

2.1. Quy mô khai thác than đá của thực dân Pháp

Năm 1887, chính phủ Pháp tại Đông Dương công nhận cả vùng mỏ than Hòn Gai – Cẩm Phả thuộc quyền sở hữu của chủ mỏ người Pháp là B. Sô-phua⁽³⁾. Năm 1888,

(1) Vương quốc Phổ là một vương quốc tồn tại trong lịch sử nước Đức từ năm 1701 đến 1918.

(2) Nhà Thanh còn được gọi là Mãn Thanh, là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Trung Quốc.

(3) B. Sô-phua: tên gốc là Ba-vi-ê-sô-phua (Bavieaupour).

nhà Nguyễn kí bán nốt mỏ than Đông Triều cho Pháp. Sau đó, Pháp đã tiến hành khảo sát toàn bộ vùng than trong các năm 1889 – 1900 và tiến hành lập bản đồ toàn bộ các vỉa than Bắc Kỳ. Phạm vi khai thác than đá của thực dân Pháp là các mỏ thuộc khu vực vịnh Hạ Long, từ phía Bãi Cháy đến Mông Dương, được chia làm ba lô chính là Hòn Gai, Hà Tu và Cẩm Phả, là nơi thuận lợi nhất trong toàn bộ vùng mỏ Quảng Ninh.

2.2. Mục đích khai thác than đá của thực dân Pháp

Năm 1882, thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần hai. Đối với tư bản Pháp thì việc chiếm khu mỏ Quảng Ninh là một trong những âm mưu hàng đầu của việc xâm lược Bắc Kỳ. Hoạt động khai thác than đá của thực dân Pháp nhằm hướng đến mục tiêu phục vụ ngành công nghiệp nước Pháp, xuất khẩu than đá, đem lại lợi nhuận cho chính quốc.

2.3. Quá trình khai thác than đá của thực dân Pháp

Ngay sau khi chiếm được Hòn Gai, thực dân Pháp đã lập một “Ủy ban chuẩn bị khai thác mỏ”. Những thiết bị phục vụ khai thác lớn đã được mua sắm. Trong khu vực Hòn Gai, Công ti Pháp mỏ than Bắc Kỳ (SFCT) đã cho xây dựng một nhà máy sàng rửa gồm ba phân xưởng. Ngoài ra, công ti này cũng cho xây dựng chín lò sản xuất than cốc, có thể sản xuất được 25 tấn trong 10 giờ. Phương tiện chuyên chở than từ Cẩm Phả về Hòn Gai để chế biến chủ yếu bằng sà lan, sà lúp hoặc bằng lửa, ngựa. Tại vùng mỏ Kế Bào⁽⁴⁾ tính đến năm 1895, tổng số vốn bỏ ra để xây dựng cảng Vạn Hoa và một đường goòng nối cảng Vạn Hoa với trung tâm đảo lên đến 6 triệu Phrăng (Franc).

Từ trước năm 1925, việc khai thác và vận chuyển mỏ chủ yếu là thủ công, dựa vào sức lao động của thợ mỏ.

Khoảng thời gian từ năm 1929 – 1933, trước ảnh hưởng nặng nề của cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới, việc khai thác than cũng bị đình trệ. Đến năm 1935, chỉ còn 600 công nhân người Á Đông và 2 người châu Âu làm việc tại mỏ Kế Bào.



Hình 2.2. Cổng Chui số 1 – mỏ than Kế Bào
với những dấu tích thời gian

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9-1939), sau đó Nhật chiếm đóng Đông Dương (9-1940), đã làm cho sản lượng than xuất đi giảm sút. Năm 1941, xuất qua Hồng Kông – Trung Quốc là 47.974 tấn; qua Pháp và các thuộc địa của Pháp là 22.880 tấn, thì từ năm 1942 đến năm 1945 không xuất được tấn nào. Khi chiến tranh Thái Bình

(4) Mỏ than Kế Bào là một trong những địa điểm khai thác mỏ than đầu tiên tại Quảng Ninh (nay thuộc xã Vạn Yên, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh).

Dương bùng nổ thì than Quảng Ninh xuất sang Nhật Bản cũng giảm đột ngột từ 283.271 tấn năm 1941 xuống 3.140 tấn năm 1944. Những tháng đầu năm 1945 có tăng lên, nhưng cũng không đáng kể, chỉ là 9.482 tấn.

Khi Quảng Ninh được giải phóng vào năm 1955, thực dân Pháp đã dỡ bỏ toàn bộ hạ tầng, hệ thống máy móc khai thác tại nhà máy Kế Bào chuyển về Pháp. Quá trình khai thác than đá của thực dân Pháp ở Quảng Ninh kết thúc tại đây.



- ① Nêu mục đích của thực dân Pháp khi tiến hành khai thác than đá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- ② Trình bày quá trình khai thác than đá của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Em có nhận xét gì về quy mô khai thác than đá của thực dân Pháp?

3. Tác động từ chương trình khai thác than đá của thực dân Pháp đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Quảng Ninh

3.1. Sự hình thành và phát triển của công nghiệp than Quảng Ninh

Sau cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, tư bản Pháp đã lập ra nhiều công ti mở khai thác than đá ở Quảng Ninh. Công ti mỏ than Bắc Kỳ (SFCT) thành lập năm 1920, khai thác 2.488 ha ở Mạo Khê. Công ti Hạ Long – Đồng Đăng thành lập năm 1924 khai thác 496 ha ở Hoàn Bồ. Công ti than Yên Lập thành lập năm 1924, diện tích khai thác là 1.288 ha thuộc khu vực Yên Lập, Chạp Khê. Công ti mỏ Mông Dương thành lập năm 1924, phạm vi khai thác là 240 ha, thuộc khu vực phía tây Đông Triều.

Bên cạnh các công ti than của tư bản Pháp, một số tư bản người Việt đã tham gia kinh doanh khai thác than đá ở khu mỏ Quảng Ninh với các cơ sở: Mỏ than Bí Chợ của Bạch Thái Bưởi; mỏ Mùa Xuân của Nguyễn Hữu Thu trong vùng than Đông Triều; mỏ Ri-gô-bê (Regobert) của Giang Văn Sâm; công ti mỏ Đông Dương của Phạm Kim Bảng. Tuy nhiên, những cơ sở khai thác của người Việt đều bé nhỏ, vụn vặt, trang thiết bị kỹ thuật đầu tư chưa xứng tầm, bởi vậy, chỗ đứng của họ cũng rất bấp bênh.

Về phía tư bản Pháp, đã tăng cường đầu tư, mở rộng quy mô và nâng cao sản lượng khai thác tại các công ti Pháp mỏ than Bắc Kỳ (SFCT), công ti than Bắc Kỳ, công ti than Đông Triều. Từ năm 1919 đến năm 1929 có hàng trăm giấy phép xin khai thác mỏ tại khu mỏ Quảng Ninh và hàng chục mỏ được khai thác tại khu vực này. Đến năm 1939, toàn Đông Dương sản xuất được 2.615.000 tấn thì riêng 4 công ti than ở Quảng Ninh đã chiếm 2.515.000 tấn.

Bên cạnh sự phát triển mang tính chất về quy mô số lượng, còn một sự phát triển mang tính bản chất của ngành kinh tế mỏ Quảng Ninh dưới thời Pháp thuộc, đó là sự ra đời của các công ti độc quyền như: Công ti Pháp mỏ than Bắc Kỳ (SFCT), công ti mỏ than Đông Triều (SCĐT), công ti Hạ Long – Đồng Đăng, công ti than gầy Bắc Kỳ. Các công ti này nắm trong tay việc thăm dò, khai thác khoáng sản và quyết định số phận tất cả những gì có trong lòng đất, trên mặt đất trong khu vực nhượng địa.



Trình bày nét chính về sự hình thành và phát triển của công nghiệp khai thác than Quảng Ninh.

3.2. Quá trình hình thành của đội ngũ công nhân mỏ than Quảng Ninh

3.2.1. Sự ra đời của công nhân mỏ than Quảng Ninh

Từ đầu thế kỉ XIX, đã có người thuê nhân công khai thác than, đó là những người công nhân mỏ đầu tiên. Quá trình khai thác than đồng thời là quá trình ra đời và phát triển của đội ngũ công nhân Quảng Ninh. Có thể nói, ở các mỏ than Hồng Gai, Cẩm Phả, Uông Bí, Vàng Danh, Mạo Khê là những nơi đội ngũ công nhân xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam và Đông Dương. Vì thế, Quảng Ninh là một trong những “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam.



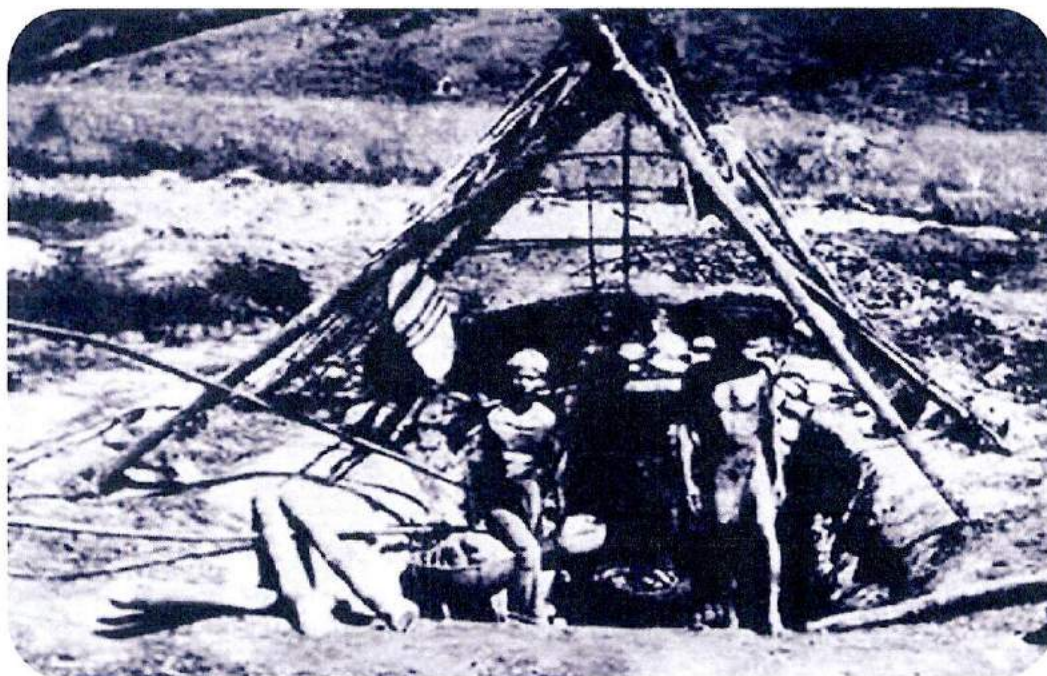
Hình 2.3. Khai thác than thời Pháp thuộc

Ngày 24-4-1888, công ti khai thác mỏ than Bắc Kỳ (SFCT) được thành lập, phạm vi khai thác từ Bãi Cháy đến Mông Dương. Công ti khai thác mỏ than Bắc Kỳ đã lập sở

mộ phu để tuyển dụng lao động. Năm 1888 công ti này có 3.000 công nhân, là cơ sở công nghiệp có quy mô lớn nhất và thành lập sớm nhất ở Việt Nam, cũng như ở Đông Dương. Đến năm 1894, số công nhân lao động của SFCT và mỏ Kế Bào đã lên tới 11.520 người.

3.2.2. Nguồn gốc và đặc điểm của công nhân mỏ than Quảng Ninh

Công nhân Quảng Ninh hầu hết xuất thân từ nông dân, chủ yếu từ các tỉnh vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, một số ở Thanh Hoá, Nghệ An. Họ bị địa chủ phong kiến, thực dân áp bức, bóc lột bằng mọi thủ đoạn, cướp hết ruộng đất, tài sản, bị bần cùng, chỉ còn hai con đường: chịu làm tá điền hoặc phải tha hương cầu thực. Họ đã trở thành vô sản với cuộc sống cùng cực, không tránh khỏi sự bóc lột của bọn thực dân, phong kiến và chủ mỏ.



Hình 2.4. Công nhân Việt Nam trong thời kì Pháp thuộc

Đội ngũ công nhân Quảng Ninh có đầy đủ những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam, đó là: ra đời sớm (trước tư sản dân tộc), số lượng đông, có điều kiện sinh sống và lao động tập trung, bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, có tính kỉ luật rất cao, nhạy cảm về chính trị,... Từ năm 1929 trở đi, với đội ngũ công nhân đã trưởng thành, khu mỏ Quảng Ninh là một cơ sở vững vàng để tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào dân tộc tại đây có những bước ngoặt phát triển mới. Bước ngoặt này đã thúc đẩy việc hình thành bốn Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Quảng Ninh vào đầu năm 1930 như: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ở Mạo Khê, Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông.



- ① Đội ngũ công nhân mỏ ở Quảng Ninh được hình thành trong hoàn cảnh và điều kiện như thế nào? Vì sao nói: "Khu mỏ than Quảng Ninh là một trong những chiếc nôi của giai cấp công nhân Việt Nam"?
- ② Nêu đặc điểm của đội ngũ công nhân mỏ Quảng Ninh. Vì sao công nhân mỏ Quảng Ninh lại có đặc điểm trên?



4. Lập bảng thống kê về địa điểm, thời gian, quy mô khai thác than đá của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo mẫu sau:

<i>Tên mỏ (công ti) than</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Quy mô</i>
Công ti than Bắc Kỳ	Mạo Khê	1920	2 488 ha
?	?	?	?
?	?	?	?

5. Bổ sung các thông tin về quá trình khai thác than đá ở Quảng Ninh theo sơ đồ sau.



1. Khái quát quá trình khai thác than đá của triều đình nhà Nguyễn trước khi thực dân Pháp xâm lược.



2. Thực dân Pháp khai thác than đá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.



3. Tác động từ chương trình khai thác than đá của thực dân Pháp đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Quảng Ninh.



6. Vẽ hoặc sưu tầm một bức tranh về một địa danh có hoạt động khai thác than trên vùng đất Quảng Ninh mà em biết và giới thiệu cho các bạn cùng nghe.

7. Viết một bài thuyết trình khoảng 200 từ về quá trình thực dân Pháp khai thác than đá ở Quảng Ninh.

DI SẢN VĂN HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

Khái quát được di sản văn hoá vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

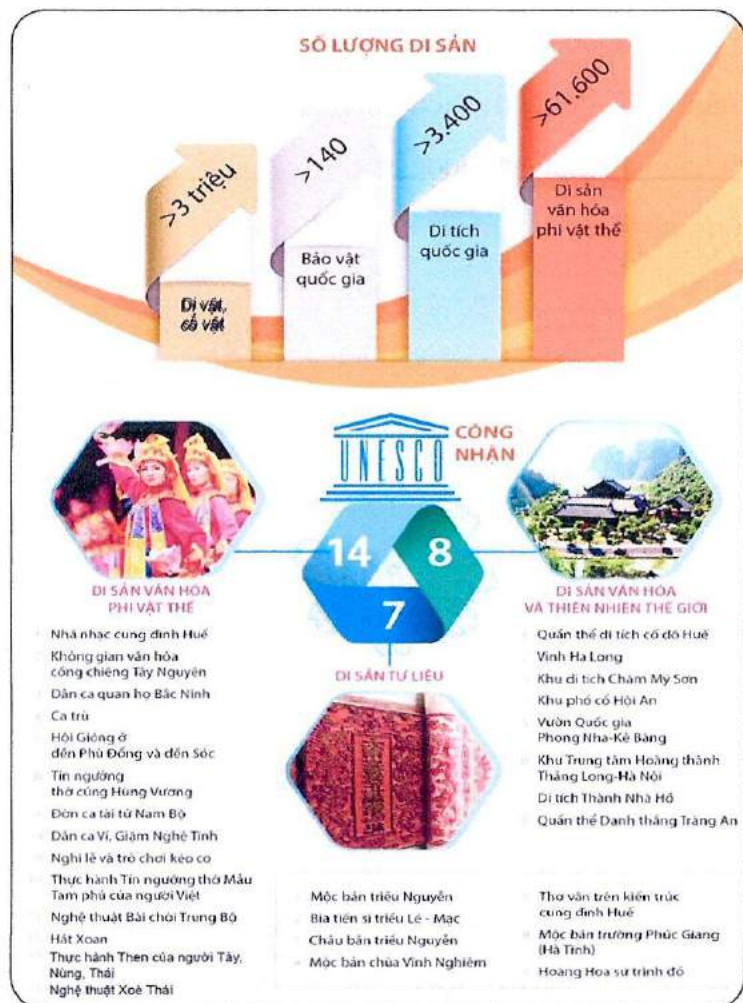


Theo Luật Di sản văn hoá hợp nhất năm 2013, di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tính đến tháng 01 năm 2021, Quảng Ninh hiện có 632 di sản văn hoá vật thể và có 362 di sản văn hoá phi vật thể.



Em hãy kể tên một số di sản thế giới ở Việt Nam và trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã được UNESCO công nhận.



Hình 3.1. Di sản Việt Nam



1. Một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh

Di sản văn hoá vật thể: là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Quảng Ninh hiện có 632 di sản văn hoá vật thể, trong đó: 06 khu di tích quốc gia đặc biệt, 54 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 85 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 488 di tích được kiểm kê, phân loại, đồng thời có 09 bảo vật quốc gia được công nhận.



Hình 3.3. Các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh



Hình 3.2. Di tích quốc gia đặc biệt tại Quảng Ninh



- ① Thế nào là di sản văn hoá vật thể? Kể tên một vài di sản văn hoá vật thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh mà em biết.
- ② Em đã được đến tham quan di tích quốc gia đặc biệt nào ở tỉnh Quảng Ninh? Hãy chia sẻ cảm xúc của em khi đến đó.

2. Một số di sản văn hoá phi vật thể của tỉnh Quảng Ninh

Di sản văn hoá phi vật thể: là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

Quảng Ninh hiện có 362 di sản văn hoá phi vật thể được công nhận, trong đó có 07 di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia, gồm: Lễ hội truyền thống đình Trà Cổ; Lễ hội truyền thống đình Quan Lạn; Hát nhà tơ; Thực hành Then của người Tày; Lễ hội Tiên Công; Lễ hội đền Cửa Ông và Lễ hội Bạch Đằng.

Lễ hội truyền thống đình Trà Cổ (thành phố Móng Cái) (năm công nhận: 2019)

– Được tổ chức bắt đầu từ ngày 30 tháng 5 đến ngày mùng 3 tháng 6 (âm lịch) hàng năm.

– Diễn ra tại đình Trà Cổ, khu Nam Thọ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái.

– Đình Trà Cổ thờ 6 vị tiên công người Đồ Sơn (Hải Phòng) và thờ Quận He Nguyễn Hữu Cầu – một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa thời Lê – Trịnh cũng quê ở Đồ Sơn. Lễ hội tưởng nhớ công ơn của các vị Tiên công và cầu mong trời đất, thần linh mang lại những điều tốt lành cho dân làng.



Hình 3.4. Lễ rước kiệu nghênh thần trên biển ở lễ hội truyền thống đình Trà Cổ

Lễ hội truyền thống đình Quan Lạn (huyện Vân Đồn) (năm công nhận: 2019)

– Được tổ chức vào ngày 18 tháng 6 (âm lịch) hàng năm nhưng lễ hội kéo dài từ ngày mùng 10 đến hết ngày 20 tháng 6.

– Diễn ra ở bến Đình, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn.

– Lễ hội là tập tục hội làng truyền thống của người dân xã đảo Quan Lạn kỉ niệm truyền thống hào hùng của cha ông dưới sự chỉ huy của danh tướng Trần Khánh Dư đánh tan đoàn thuyền lương của quân Nguyên Mông trên dòng sông Mang năm 1288, là lễ hội cầu mưa thuận, gió hoà cho ngư dân trên đảo đạt kết quả bội thu trong lao động sản xuất.

Hát nhà tơ (năm công nhận: 2015)

– Hát nhà tơ – hát, múa cửa đình ở Quảng Ninh đã tồn tại trong dân gian từ thế kỉ thứ XIII trên một không gian rộng và lưu truyền từ đời này qua đời khác.

– Các điệu hát, múa được hình thành và gắn liền với dòng chảy của văn hoá lịch sử và văn hoá tâm linh, thể hiện ở việc hát nhà tơ – hát, múa cửa đình thường gắn với các đình làng như: ở đình Trà Cổ (thành phố Móng Cái); đình Vạn Ninh (huyện Đầm Hà); đình Quan Lạn (huyện Vân Đồn),...

Lễ hội Bạch Đằng (thị xã Quảng Yên) (năm công nhận: 2021)

– Đây là lễ hội được tổ chức từ ngày mùng 6 đến ngày mùng 8 tháng 3 (âm lịch) hằng năm, được gọi là ngày giỗ trận Bạch Đằng, nhằm tri ân những chiến thắng vĩ đại của các vị anh hùng trên dòng Bạch Đằng giang lịch sử những năm 938, 981 và 1288.



Hình 3.5. Đua thuyền ở lễ hội truyền thống đình Quan Lạn



Hình 3.6. Hát nhà tơ



Hình 3.7. Rước kiệu tại lễ hội Bạch Đằng

– Không gian lễ hội diễn ra tại Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng với các điểm chính là đền Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà, đình Yên Giang thuộc trung tâm lễ hội, ngoài ra còn ở các đình Trung Bản, đình Điện Công, đền Trung Cốc.

Thực hành Then của người Tày (huyện Bình Liêu) (năm công nhận: 2019)

Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam chính thức được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại vào ngày 12/12/2019.

Then là một thực hành nghi lễ không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người Tày. Thực hành Then xuất hiện ở những sự kiện trọng đại như lễ cầu an, cầu mùa, chúc mừng năm mới,... Bên cạnh đó, Then còn được nhìn nhận như một loại hình diễn xướng dân gian, tích hợp nhiều bộ môn nghệ thuật từ văn học, âm nhạc, múa tới hội họa và trình diễn,... Nhạc cụ chính sử dụng trong hát Then là đàn tính.



Hình 3.8. Hát Then của người Tày

Lễ hội Tiên Công (thị xã Quảng Yên) (năm công nhận: 2017)

Lễ hội Tiên Công được tổ chức vào ngày mùng 6 và mùng 7 tháng Giêng.

Không gian lễ hội diễn ra ở các phường Phong Cốc, Phong Hải, Yên Hải và xã Cẩm La. Trung tâm lễ hội tại di tích miếu Tiên Công ở xã Cẩm La và ở các từ đường dòng họ tiên công, đã được xếp hạng di tích quốc gia. Lễ hội gắn với lịch sử hình thành khu đảo Hà Nam là lịch sử các tiên công – những người có công đầu tiên khẩn hoang đất đai, quai đê lấn biển, lập làng. Người dân đã lập miếu thờ 17 vị Tiên Công.



Hình 3.9. Lễ hội Tiên Công

Lễ hội Đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả) (năm công nhận: 2016)

Lễ hội Đền Cửa Ông được tổ chức từ ngày mùng 2 tháng Giêng đến hết tháng 3 âm lịch, diễn ra tại đền Cửa Ông, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả.

Đền Cửa Ông thờ Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng, con thứ 3 của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn và các nhân thần là những dũng tướng tài ba thao lược thời nhà Trần như Yết Kiêu, Dã Tượng, Trần Khánh Dư, Đỗ Khắc Trung, Phạm Ngũ Lão, Lê Phụ Trần,...



Hình 3.10. Đền Cửa Ông

Trần Quốc Tảng có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông (1257 – 1288). Lễ hội tưởng nhớ đến công lao của những vị tướng tài đã có công giữ gìn độc lập và bảo vệ bờ cõi đất nước.



- ① Thế nào là di sản văn hoá phi vật thể? Kể tên một vài di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh mà em biết.
- ② Em hãy giới thiệu tóm tắt về di sản văn hoá phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo gợi ý:
 - Tên di sản
 - Năm được công nhận
 - Địa điểm tổ chức
 - Ý nghĩa



3. Hoàn thành vào vở bảng một số di sản văn hoá vật thể và phi vật thể cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo mẫu sau:

STT	TÊN DI SẢN	ĐỊA ĐIỂM	DI SẢN VĂN HOÁ VẬT THỂ	DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ
1	Lễ hội truyền thống đình Trà Cổ	Thành phố Móng Cái		x
2	Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long			
3	Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử			

4	Lễ hội truyền thống đình Quan Lạn			
5	Hát nhà tơ			
6	Di tích lịch sử Bạch Đằng			
7	Lễ hội Bạch Đằng			
8	Thực hành Then của người Tày			
9	Lễ hội Tiên Công			
10	Lễ hội Đền Cửa Ông			
11	Di tích lịch sử Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều			
12	Trống đồng Quảng Chính			
13	Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô			
14	Di tích lịch sử Đền Cửa Ông			
15	Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông			

4. Lập bảng một vài di sản văn hoá vật thể, di sản văn hoá phi vật thể ở nơi em sống.

STT	Tên di sản	Địa điểm	Loại di sản	Nội dung di sản
1	Khu di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bài Thơ (bìa khắc trên núi, chùa Long Tiên, đền Đức Ông)	Thành phố Hạ Long	Di sản văn hoá vật thể	Ghi dấu sự kiện cấm cờ Đàng đầu tiên trên núi Bài Thơ vào sáng ngày 01 – 5 – 1930. Là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo thờ Phật, Mẫu, đức Thánh Trần,...
2	...	...	...	...



5. Sưu tầm thông tin, hình ảnh, tranh vẽ về một số di sản văn hoá vật thể hoặc di sản văn hoá phi vật thể ở nơi em sống. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về di sản đó với bạn bè và du khách.

4

DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT CỦA TỈNH QUẢNG NINH

- Giới thiệu được vị trí các công trình của các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Trình bày được một số giải pháp cho việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị của các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.



Nằm trên dải đất miền Đông Bắc, Quảng Ninh là địa danh ghi dấu nhiều bước thăng trầm của lịch sử dân tộc, là vùng đất có lịch sử văn hoá lâu đời. Quảng Ninh có một hệ thống di tích đa dạng trải dài qua các thời kì phát triển, trong đó nhiều di tích đã được Nhà nước xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt.



Hình 4.1. Bản đồ tỉnh Quảng Ninh



Quan sát bản đồ tỉnh Quảng Ninh kết hợp với sự hiểu biết của bản thân về các di tích quốc gia đặc biệt, em hãy kể tên và xác định địa danh (huyện/ thị xã/ thành phố; xã/ phường/ thị trấn) có di tích quốc gia đặc biệt trên bản đồ.



1. Các di tích quốc gia đặc biệt của tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và cách mạng. Những giá trị đó luôn được gìn giữ, bảo tồn và phát huy. Theo số liệu thống kê của Sở Văn hoá, Thể thao Quảng Ninh, đến tháng 1 năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 6 di tích quốc gia đặc biệt.

1.1. Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long

Khu vực được UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hiệp Quốc) công nhận là di sản thiên nhiên thế giới có diện tích 434 km² (434.000 m²), bao gồm: 775 hòn đảo, trong đó có 411 hòn đảo đã được đặt tên, được giới hạn bởi ba điểm: đảo Đầu Gỗ (phía Tây), đảo Đầu Bê (phía Nam), đảo



Hình 4.2. Vịnh Hạ Long

Cống Tây (phía Đông). Các hòn đảo này nằm trong địa phận của thị xã Quảng Yên, thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả; huyện Vân Đồn. Nơi đây tập trung nhiều đảo đá, hang, động và bãi tắm đẹp nổi tiếng, đồng thời chứa đựng những dấu tích quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển lịch sử Trái Đất. Vịnh Hạ Long là cái nôi cư trú của người Việt cổ. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, vùng vịnh Hạ Long cũng chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trọng đại. Vịnh Hạ Long còn là nơi ghi dấu biết bao chiến công, cùng sự hi sinh anh dũng, thầm lặng của các chiến sĩ hải quân nhân dân Việt Nam trong những năm chống Mỹ.

Hiện nay, vịnh Hạ Long là một khu vực phát triển năng động, có tiềm năng lớn về du lịch, nhờ những điều kiện và lợi thế sẵn có. Ngoài giá trị nổi bật toàn cầu về thẩm mỹ và địa chất, địa mạo, vịnh Hạ Long còn có giá trị tiêu biểu về đa dạng sinh học, văn hoá lịch sử. Với những giá trị đó, vịnh Hạ Long được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt vào ngày 12-8-2009, theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg.



- ① Giới thiệu một số nét chính về danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long.
- ② Quan sát hình 5.3, em hãy kể tên một số hòn đảo thuộc vịnh Hạ Long. Chia sẻ với các bạn thông tin về một hòn đảo mà em ấn tượng nhất.

1.2. Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử

Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử thuộc địa phận thành phố Uông Bí và thị xã Đông Triều với tổng diện tích tự nhiên là: 9.295 ha (92.950.000 m²). Khu di tích gồm các điểm di tích với nhiều công trình kiến trúc tôn giáo: chùa Bái Thượng, chùa Suối Tắm, chùa Lân, chùa Giải Oan, am Lò Rèn, am Dược, am Thung, am Muối, am Thiên Định, thác Ngự Dội, đường Tùng, Hòn Ngọc, vườn tháp Huệ Quang, chùa Hoa Yên, chùa Vân Tiêu, chùa Bảo Sái, chùa Một Mái, tượng đá An Kỳ Sinh, chùa Đồng (thành phố Uông Bí); chùa Cầm Thực (thành phố Uông Bí).

Khu di tích gắn với thiền phái Trúc Lâm Yên Tử – một trung tâm tôn giáo lớn của nước ta. Với lịch sử lâu đời, giá trị kiến trúc, nghệ thuật, điêu khắc, lễ hội độc đáo, khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử đã trở thành điểm đến của nhiều du khách trong và ngoài nước. Ngày 27-9-2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử là di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 1419/QĐ-TTg. Hiện nay Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử đang được lập hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận là Di sản thế giới.



Đọc thông tin và quan sát hình 5.4, em hãy thuyết trình trước lớp về đường đi đến các điểm di tích trong Khu di tích và danh thắng Yên Tử. Trong các điểm di tích đó, em ấn tượng nhất với địa điểm nào? Vì sao?

1.3. Khu di tích lịch sử Bạch Đằng

Khu di tích lịch sử Bạch Đằng thuộc địa phận thị xã Quảng Yên và thành phố Uông Bí với tổng diện tích 416.107,3 m². Khu di tích gồm các điểm di tích: đền Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà, bãi cọc Yên Giang, bến dò Rừng, đình Yên Giang, bãi cọc Đồng Má Ngựa, bãi cọc Đồng Vạn Muối, đền Trung Cốc, đình Trung Bản (thị xã Quảng Yên); đình Đền Công (thành phố Uông Bí).

Khu di tích là nơi lưu niệm chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Với giá trị lịch sử sâu sắc, Khu di tích lịch sử Bạch Đằng đã trở thành địa điểm giáo dục lịch sử, văn hoá cho thế hệ trẻ hiện nay khi các em học về lịch sử thời nhà Trần, giai đoạn kháng chiến chống quân Mông – Nguyên. Ngày 27-9-2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử Bạch Đằng là di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 1419/QĐ-TTg.



Theo em, khu di tích lịch sử Bạch Đằng để lại cho em bài học lịch sử gì?

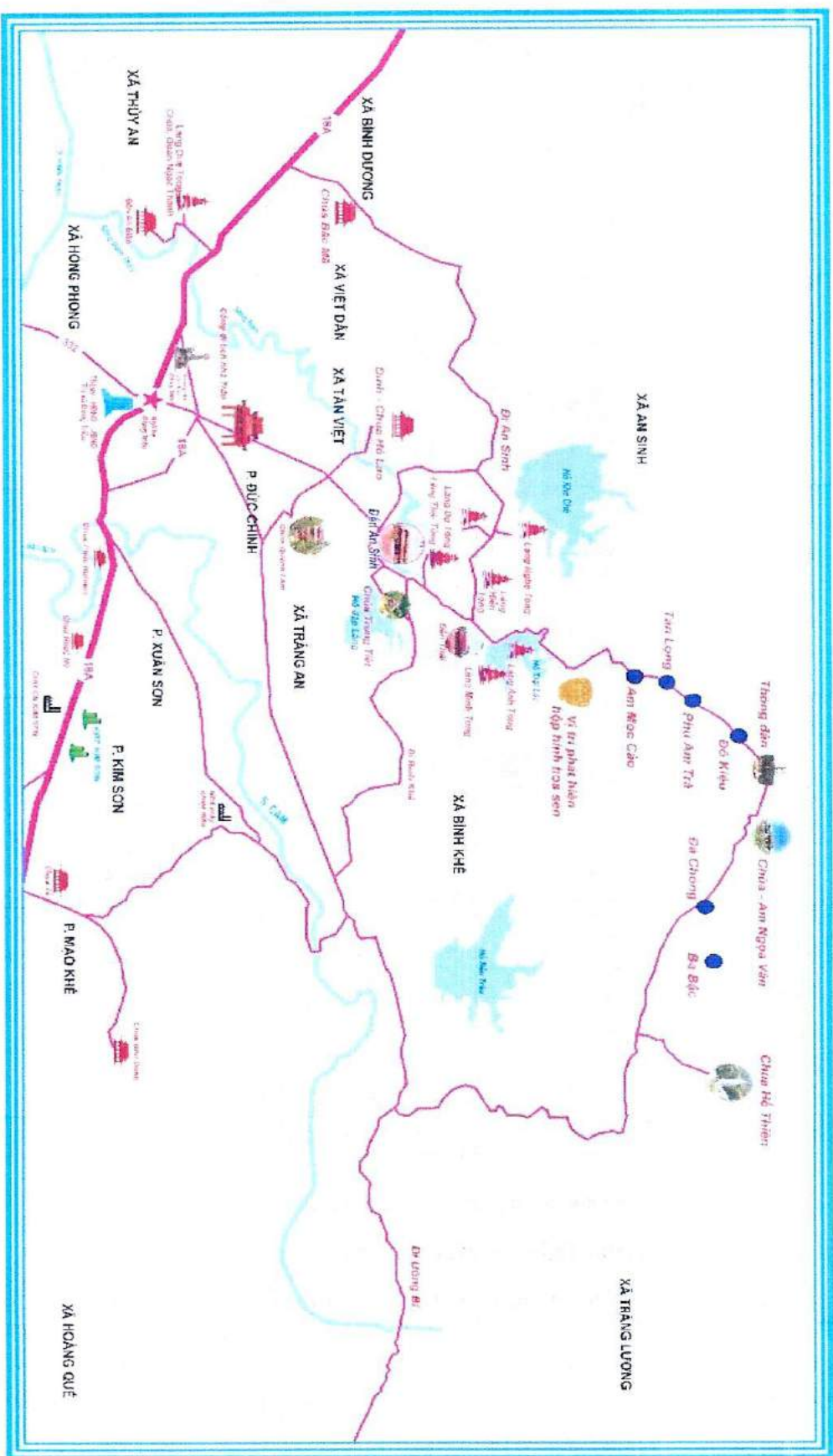


1		Miếu Cu Linh - Cây Giềng Xã Đèn Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	6		Đình Yên Giang Phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
2		Đình Đèn Công Phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	7		Bãi cọc Yên Giang Phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
3		Bến đò Rừng (bến đò cổ) Phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	8		Bãi cọc đồng Vạn Muối Phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
4		Miếu Vua Bà Phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	9		Bãi cọc đồng Mã Ngựa Phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
5		Đền Trần Hưng Đạo Phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	10		Đền Trung Cốc Phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
			11		Đình Trung Bản Xã Liên Hoa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

Hình 4.4. Sơ đồ Khu di tích lịch sử Bạch Đằng

1.4. Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều

Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều thuộc địa phận thị xã Đông Triều với tổng diện tích 2.206 ha (22.060.000 m²). Khu di tích gồm các điểm di tích: Đền An Sinh, Thái miếu và Lăng mộ các vua Trần (Tư Phúc lăng, Thái lăng, Mục lăng, Ngải Sơn lăng, Phụ Sơn lăng, Nguyên lăng, Hy lăng), chùa Quỳnh Lâm, chùa Ngoạ Vân, chùa Hồ Thiên, chùa Trung Tiết, chùa – quán Ngọc Thanh.



Hình 4.5. Sơ đồ Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt nhà Trần tại Đông Triều

Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều có giá trị lịch sử, văn hoá to lớn gắn liền với triều đại nhà Trần, một triều đại hưng thịnh bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Ngày 09-12-2013, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều là di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2383/QĐ-TTg.

?

Dựa vào hình 5.6, em hãy chỉ dẫn đường đi tới các địa điểm thuộc Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều và chia sẻ thông tin em tìm hiểu được về di tích này cho các bạn cùng nghe.

1.5. Khu di tích lịch sử đền Cửa Ông

Khu di tích lịch sử đền Cửa Ông (còn gọi là Đông Hải linh từ hay đền Đức Ông) nằm trên địa bàn phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả. Đền là cụm di tích gồm 2 điểm: đền Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả) và đền Cặp Tiên (huyện Vân Đồn) với diện tích 181.250 m².



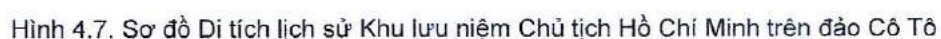
Hình 4.6. Sơ đồ chỉ dẫn Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt đền Cửa Ông

Đền thờ thần chủ là Đức Ông Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng, phối thờ thêm gia thất và các tướng lĩnh nhà Trần, Trung Thiên Long Mẫu, Tam toà thánh Mẫu, thờ Phật. Các thần tích, thần sắc, sắc phong cho các vị thần còn được lưu giữ tại đền

Với giá trị to lớn về lịch sử, tâm linh và những giá trị đặc sắc về nghệ thuật, văn hoá dân tộc, Khu di tích lịch sử đền Cửa Ông đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 2082/QĐ-TTg, ngày 25-12-2017.

Đọc thông tin và quan sát hình 5.7, hãy giới thiệu vị trí của các điểm di tích thuộc Khu di tích lịch sử quốc gia đền Cửa Ông. Nêu hiểu biết của em về tên gọi của đền và nhân vật lịch sử được nhân dân tôn kính, thờ tự trong ngôi đền này.

Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô thuộc địa phận khu 1, khu 2 và khu 3 thị trấn Cô Tô, với tổng diện tích 119.273.000 m². Khu di tích gồm các điểm di tích: khu tượng đài Bác Hồ, nhà trưng bày lưu niệm Bác Hồ, đền thờ Bác Hồ, ao cá, ruộng khoai, cánh đồng muối, cột cờ chủ quyền.



Đây là nơi duy nhất được Bác Hồ đồng ý cho phép dựng tượng khi Người còn sống. Bên cạnh đó, di tích còn ghi dấu ấn quan trọng khẳng định “cột mốc” chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Với giá trị lịch sử, văn hoá to lớn, Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô, huyện Cô Tô đã trở thành điểm đến của nhiều du khách trong và ngoài nước, là địa điểm giáo dục lịch sử, văn hoá cho thế hệ hôm nay và mai sau. Ngày 18-01-2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 93/QĐ-TTg xếp hạng Khu di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh là di tích quốc gia đặc biệt.



Đọc thông tin và quan sát hình 5.8, em hãy xác định vị trí của các điểm di tích thuộc Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô và nêu hiểu biết của mình về khu di tích lịch sử lưu niệm này.

2. Một số biện pháp bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị của các di tích quốc gia đặc biệt ở tỉnh Quảng Ninh

Với những giá trị về văn hoá, lịch sử và khoa học đã được khẳng định, việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị của các di tích quốc gia đặc biệt ở tỉnh Quảng Ninh là một việc làm rất cần thiết. Cùng với sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành trung ương, các cấp ủy đảng và chính quyền tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng kế hoạch bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị của các di tích lịch sử, văn hoá trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tạo ra một hành lang pháp lí để các di tích quốc gia đặc biệt phát huy tối đa giá trị, góp phần duy trì những nét đẹp từ cuộc sống của cộng đồng; nâng cao ý thức tham gia của người dân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị của di tích quốc gia đặc biệt gắn việc bảo tồn với công tác giáo dục truyền thống trong thế hệ trẻ.

Tỉnh Quảng Ninh đã có chiến lược bảo tồn di tích quốc gia đặc biệt khá toàn diện. Việc điều tra, xếp hạng di tích để từ đó có chính sách bảo tồn, phát triển về cơ bản hoàn thành, tạo hành lang pháp lí quan trọng trong việc đầu tư tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích quốc gia đặc biệt.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giới thiệu di tích quốc gia đặc biệt cũng được đẩy mạnh trong nhân dân, trong các nhà trường và đem lại hiệu quả to lớn. Nhiều di tích nói chung, di tích quốc gia đặc biệt nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được giới thiệu rộng rãi và thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích quốc gia đặc biệt của quê hương, đã góp phần nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, tạo nên nguồn nội lực to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế – xã hội hàng năm của tỉnh và các địa phương. Những di tích quốc gia đặc biệt đã tạo nên các địa điểm du lịch nổi tiếng thu hút du khách đến Quảng Ninh, góp phần nâng cao vị thế của ngành du lịch Quảng Ninh trong nước và quốc tế.



Em hãy nêu một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Bản thân em có thể thực hiện việc làm cụ thể nào để góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích quốc gia đặc biệt.



3. Lập bảng thống kê các di tích quốc gia đặc biệt ở tỉnh Quảng Ninh theo mẫu sau:

Tên di tích	Địa điểm di tích	Lịch sử di tích	Nét nổi bật
Khu di tích lịch sử Bạch Đằng	Thị xã Quảng Yên, thành phố Uông Bí	Lưu niệm chiến thắng Bạch Đằng năm 1288	?
?	?	?	?
?	?	?	?

4. Xây dựng dự án giới thiệu về di tích quốc gia đặc biệt của tỉnh Quảng Ninh:

TÊN DỰ ÁN

1. Họ và tên (nhóm thực hiện)
2. Thời gian thực hiện
3. Mục tiêu dự án
4. Lập kế hoạch dự án
 - Phân công nhiệm vụ và chuẩn bị các nội dung
 - Tìm hiểu các thông tin về di tích quốc gia đặc biệt
 - + Tên di tích
 - + Vị trí (địa điểm) có di tích
 - + Đặc điểm của di tích
 - + Giá trị của di tích đối với sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội
 - + Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích quốc gia đặc biệt
5. Các bước thực hiện dự án
6. Trình bày kết quả và đánh giá



Em hãy lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau và thực hiện:

5. Thiết kế poster (áp phích) giới thiệu về một di tích quốc gia đặc biệt của tỉnh Quảng Ninh theo gợi ý sau:

1

Suy nghĩ và đưa ra các ý tưởng, lựa chọn chủ đề và nội dung thiết kế (di tích quốc gia đặc biệt nào, địa điểm ở đâu, ...), vật liệu để thiết kế poster.

2

Thiết kế poster

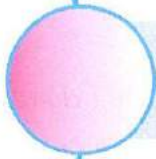
3

Triển lãm sản phẩm thiết kế

6. Viết một bài giới thiệu về di tích quốc gia đặc biệt nơi em ở/ em biết dựa vào gợi ý sau:



Giới thiệu, mô tả về di tích quốc gia đặc biệt



Giá trị của di tích quốc gia đặc biệt đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội



Giải pháp, hành động giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích quốc gia đặc biệt

- Giới thiệu được giá trị sinh học, địa chất, địa mạo của vịnh Hạ Long.
- Trình bày được các giải pháp bảo tồn, giữ gìn, phát huy các giá trị của vịnh Hạ Long.



Vịnh Hạ Long hai lần được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới vào năm 1994 và 2000 với giá trị về cảnh quan tự nhiên và địa chất, địa mạo. Vậy các giá trị sinh học, địa chất, địa mạo được thể hiện như thế nào? Chúng ta cần thực hiện các giải pháp gì để bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị của vịnh Hạ Long?

EM CÓ BIẾT

Vịnh Hạ Long được ví như một bức tranh thủy mặc khổng lồ, sống động với hàng nghìn đảo đá nhô lên từ mặt nước trong xanh cùng hệ thống hang động phong phú và kì bí. Giữa sắc biếc sâu thẳm của biển và sắc xanh phớt nhẹ của bầu trời là sắc xanh mát của vô số loài thực vật hiện hữu trên núi đá vôi. Bức tranh ấy càng đẹp và lộng lẫy hơn bởi được điểm xuyết những sắc màu rực rỡ của rất nhiều loài hoa như: cây ri Hạ Long, khổ cử dài tím, nhài Hạ Long, lan hài đốm, bông mộc, thu hải đường,...



1. Giá trị đa dạng sinh học

Vịnh Hạ Long nằm trong khu vực địa lí nối liền với vịnh Bái Tử Long và quần đảo Cát Bà tạo thành một quần thể biển đảo có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để hình thành một hệ thống đa dạng các nơi sinh cư biển và đảo. Đây chính là cơ sở để hình thành nên sự đa dạng sinh học cho vịnh Hạ Long. Giá trị đa dạng sinh học của vịnh Hạ Long thể hiện ở sự đa dạng về các hệ sinh thái, về nguồn gen quý hiếm và về thành phần giống loài.

1.1. Đa dạng về hệ sinh thái

Theo các nghiên cứu, trong vùng vịnh Hạ Long đã và đang tồn tại 10 kiểu hệ sinh thái rất đặc thù của quần đảo đá vôi vùng nhiệt đới, bao gồm:

1.1.1. Hệ sinh thái thảm thực vật trên đảo

Là nơi sinh sống và phát triển của 507 loài thực vật (thuộc 351 chi, 110 họ thực vật bậc cao có mạch). Đặc biệt là 21 loài thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng đã được ghi trong sách đỏ Việt Nam và 17 loài thực vật đặc hữu được các nhà khoa học ghi nhận chỉ phân bố trong khu vực vịnh Hạ Long mà chưa được công bố ở nơi nào khác.



Hình 5.1. Hệ sinh thái thảm thực vật trên đảo

1.1.2. Hệ sinh thái rừng, áng

Là một kiểu hệ sinh thái đặc trưng, độc đáo của vùng biển có các đảo đá vôi. Thành phần loài động, thực vật sống trong các rừng, áng đã phát hiện được có 21 loài rong, 37 loài thân mềm, 8 loài giáp xác, 6 loài da gai và một số loài san hô.



Hình 5.2. Hệ sinh thái rừng, áng

1.1.3. Hệ sinh thái hang động

Là một hệ sinh thái đặc thù của vùng biển đá vôi. Môi trường sống trong hang động thường thiếu ánh sáng, độ ẩm không khí cao, nguồn thức ăn tự nhiên nghèo, nhiệt độ ổn định quanh năm nên cấu trúc quần xã sinh vật nghèo hơn hẳn so với các hệ sinh thái khác, phần lớn đều là những loài đặc hữu cho khu vực. Tuy nhiên, đây lại là những nhóm sinh vật có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nghiên cứu quá trình tiến hoá của sinh vật. Một số loài tiêu biểu đã được phát hiện như: thạch sùng mí, cua hang Hạ Long, cá niếc hang, tôm gỗ mố,...



Hình 5.3. Rệp hang



Hình 5.4. Thạch sùng mí

1.1.4. Hệ sinh thái vùng triều đáy cứng

Là các bãi triều có rạn đá phân bố quanh các chân đảo trong khu vực vịnh Hạ Long. Nền đáy chủ yếu là các vách đá, các ngấn biển, đôi chỗ là những nơi đá cuội, đá tảng trượt từ trên núi xuống trải rộng từ 5 – 10m. Do có nền đáy ít bị biến đổi nên môi trường trong hệ sinh thái này tương đối ổn định, có nhiều hang, hốc làm nơi trú ngụ và ẩn trốn kẻ thù nên thành phần loài rất phong phú và đa dạng với khoảng 423 loài sinh vật như



Hình 5.5. Hàu – Hải sản giàu chất dinh dưỡng

rong biển, san hô, ốc, hai mảnh vỏ, bò sát, giáp xác,... sinh sống và phát triển. Mặc dù thành phần loài phong phú nhưng diện tích nhỏ nên năng suất của sinh vật biển trong khu vực này không cao. Đáng chú ý có loài rong mơ, các loài ốc, hàu có giá trị dinh dưỡng cao trong bữa ăn hằng ngày tại các gia đình.

1.1.5. Hệ sinh thái vùng triều đáy mềm

Là các bãi triều thấp quanh các đảo ven bờ vịnh Hạ Long. Dựa vào đặc điểm của nền đáy có thể chia thành 2 kiểu: kiểu bãi triều là cát bột, bùn sét tiếp giáp với rừng ngập mặn; kiểu cồn cát, doi cát nổi lên ở phía ngoài cửa sông. Hệ sinh thái vùng thấp triều có môi trường sinh thái phức tạp, biến đổi theo mùa và theo thời gian trong ngày, theo con nước triều khá lớn. Do điều kiện môi trường của hệ sinh thái đáy mềm của sông phức tạp nên thành phần loài của quần xã sinh vật nghèo hơn so với vùng triều các đảo xa bờ. Quần xã sinh vật ở đây được chia thành 2 nhóm khác nhau: Nhóm sống định cư trên bãi triều bao gồm các loài động vật đáy; rong biển, cỏ biển, cá biển, và nhóm sống trong tầng nước di cư theo thủy triều bao gồm: thực vật phù du, động vật phù du, cá biển. Ngoài ra một số loài động vật có xương sống cũng sinh sống, kiếm ăn trên vùng bãi triều cửa sông khi triều rút như rắn nước, chim nước,...

1.1.6. Hệ sinh thái bãi triều cát

Là bãi triều cát ven các hõm đảo nhỏ, một số vùng bãi cát được che chắn và có rạn san hô phát triển phía dưới. Mặc dù số lượng bãi triều cát khá nhiều nhưng do địa hình đảo đá vôi thường có vách đá dựng đứng nên các bãi đều nhỏ, độ dốc lớn, cấu tạo bởi cát vỏ sinh vật như san hô, thân mềm (ốc, ngao, trai,...). Bãi thường bị phơi khi thủy triều xuống. Thành phần loài sinh vật trên các bãi triều cát khá nghèo nàn so với các kiểu hệ sinh thái khác và giá trị nguồn lợi không cao. Đặc điểm cơ bản của các bãi triều cát là

hầu như không có sự phân bố của sinh vật theo đới do nền đáy không ổn định. Một số loài động vật trong hệ sinh thái này như: cua ma, dế trảng, giun nhiều tơ, hai mảnh vỏ, ốc, giáp xác và da gai. Như vậy tại vịnh Hạ Long đã phát hiện được 116 loài sinh vật trên các bãi triều cát trong vùng.

1.1.7. Hệ sinh thái rừng ngập mặn

Khu vực vịnh Hạ Long và vùng phụ cận có 30 loài, chiếm khoảng 32% thành phần loài của thực vật ngập mặn Việt Nam.

Trong số 500 loài sinh vật sinh sống trong rừng ngập mặn tại vịnh Hạ Long có 3 loài ốc, 3 loài bò sát, 3 loài chim và 1 loài thú nằm trong Danh mục đỏ Việt Nam. Một số loài hải sản mang lại giá trị kinh tế cao như cua, sò, ngán, sá sùng, ruốc,... đã tạo nên những món ăn mang đặc trưng riêng của địa phương.

1.1.8. Hệ sinh thái thảm cỏ biển

Là nơi ương nuôi ấu trùng và định cư của nhiều loài tôm, cua, cá; đồng thời, hệ sinh thái cỏ biển còn đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định nền đáy và xử lý nước thải.

Theo một số nghiên cứu trước đây, khu vực vịnh Hạ Long – Cát Bà đã phát hiện được 5 loài cỏ biển. Tuy nhiên, hiện nay diện tích các thảm cỏ biển tại vịnh Hạ Long đã bị thu hẹp nhiều do các công trình lấn biển, các vùng ven bờ hầu như không còn các bãi cỏ biển, do đó, không phát huy được giá trị của hệ sinh thái này.

1.1.9. Hệ sinh thái vùng ngập nước thường xuyên ven bờ

Là phần mặt nước có độ sâu 0 – 20 m. Đây là một khối nước tương đối đồng nhất, nên khu hệ sinh vật bao gồm nhiều nhóm loài khác nhau như: thực vật phù du, động vật



Hình 5.6. Rừng ngập mặn vịnh Hạ Long



Hình 5.7. Thảm cỏ biển vịnh Hạ Long

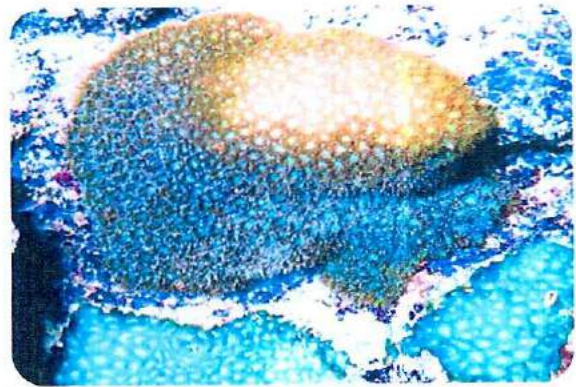


Hình 5.8. Cá vược

phù du, động vật đáy, cá biển, bò sát, giáp xác, thân mềm,... Trong đó rất nhiều loài có giá trị kinh tế như cua biển, tôm he, cá vược,...

1.1.10. Hệ sinh thái rạn san hô

Được cấu tạo chủ yếu bởi các loài san hô cứng. Khu vực tập trung nhiều san hô nhất là Cống Đỏ, Trà Sắn, Hang Trai, Đầu Bê (có độ phủ từ 30% – 45%). Một số loài sinh vật biển có giá trị kinh tế quan trọng sinh sống trong hệ sinh thái rạn san hô như: tu hài, sò lông, cá song, cá mú, trai ngọc, tôm hùm,... Trong đó có nhiều loài bị đe dọa tuyệt chủng, quý hiếm nằm trong Danh mục đỏ Việt Nam như rong chân vịt nhẵn, cá ngựa gai, cá ngựa nhật, cá ngựa đen, san hô sừng cảnh đẹp, san hô lỗ đỉnh, sam ba gai đuôi, ốc đụn đục, ốc đụn cái, ốc xoắn vách, trai ngọc môi đen, mực thước, mực nang vân hổ,...



Hình 5.9. Rạn san hô – vịnh Hạ Long



Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh ở mục 1, em hãy:

- ① Kể tên một số loài sinh vật ở vịnh Hạ Long mà em biết.
- ② Nêu sự khác nhau về sinh vật giữa hệ sinh thái vùng triều đáy cứng và hệ sinh thái vùng triều đáy mềm.

1.2. Đa dạng nguồn gen

Sinh vật Hạ Long so với các vùng khác trong khu vực khẳng định sự khác biệt nhờ đa dạng về nguồn gen. Nhiều loài sinh vật mang nguồn gen đặc hữu quý hiếm, nguồn gen dược liệu hoặc có giá trị kinh tế cao. Hiện nay, các nhà khoa học đã xác định được 102 loài đang bị đe dọa ở các cấp độ khác nhau (64 loài động vật và 38 loài thực vật). Một số nhóm sinh vật có số lượng ít nhưng hầu hết đều mang nguồn gen đặc hữu của vịnh Hạ Long, tiêu biểu trong số đó là: cá niếc hang Hạ Long, cua hang Hạ Long, tôm Alpheoid, rết chân dài,... và 17 loài thực vật đặc hữu đã được công bố. Ước tính sơ bộ tại Hạ Long khoảng 357 loài cây cỏ và gần 100 động vật có thể làm kho dược liệu tự nhiên. Một số nguồn gen có giá trị kinh tế cao là đặc sản để làm thực phẩm như: bào ngư, ốc đụn, ốc hương, ốc nháy, sò, tu hài, tôm he, cua, hải sâm, cá song,... hoặc đồ mỹ nghệ xuất khẩu như trai ngọc,...

Có thể nói, vịnh Hạ Long là một trong số ít khu vực có địa hình tự nhiên đa dạng và tồn tại nhiều kiểu hệ sinh thái khác nhau mang đặc trưng của vùng đá vôi phát triển trong môi trường biển. Sự đa dạng về các hệ sinh thái đã tạo nên các nơi sinh cư khác

biệt trong cùng một khu vực địa lí. Đây là điều kiện lí tưởng để hình thành nên một số lượng loài sinh vật và các giá trị nguồn gen đặc hữu, quý hiếm, phục vụ cho việc nghiên cứu quá trình tiến hoá, phát triển của sinh vật mang những đặc trưng riêng về môi trường sống trong khu vực.

1.3. Đa dạng về thành phần loài

Thế giới sinh vật vịnh Hạ Long rất đa dạng và phong phú, ở đây tập trung đầy đủ thành phần các loài sinh vật trên cạn, dưới nước, bậc thấp bậc cao. Đến nay đã thống kê được gần 3.000 loài động thực vật sống trong khu vực, trong số đó có 507 loài thực vật trên cạn, 278 loài thực vật phù du, 141 loài động vật phù du, 110 loài san hô, 156 loài cá biển, 71 loài chim, 53 loài thú,... Sự đa dạng về thành phần loài trên cạn, dưới nước đã nói lên bức tranh đa dạng sinh học của vịnh Hạ Long, đưa vịnh Hạ Long trở thành khu vực có số lượng loài nhiều nhất đã biết ở Việt Nam.



Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh ở mục 1, em hãy nêu:

Sự đa dạng sinh học của vịnh Hạ Long có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội, nghiên cứu khoa học của cả nước nói chung, của tỉnh Quảng Ninh nói riêng?

2. Giá trị địa chất – địa mạo

Khu vực vịnh Hạ Long có chiều sâu lịch sử địa chất đến khoảng 3 tỉ năm và có những dẫn liệu rõ ràng ít nhất gần 500 triệu năm qua. Những dấu ấn của quá trình tiến hoá địa chất và chuyển động kiến tạo còn để lại là những đứt gãy, uốn nếp, địa hào, địa lũy, bồn trũng và các hệ tầng đánh dấu những thay đổi sâu sắc hoàn cảnh cổ địa lí khu vực. Vịnh Hạ Long đã trải qua nhiều lần sụt chìm – biển tiến và tạo sơn – biển thoái, do đó nó mang nhiều giá trị quý giá cho khoa học Địa chất kỉ Nhân sinh và địa chất biển.

Tính đa dạng về địa chất của vịnh Hạ Long gồm đa dạng về thành phần vật chất; kiến trúc, cấu tạo và quá trình tiến hoá địa chất; đa dạng về môi trường trầm tích cổ và hiện đại với các thời kì cổ địa lí, đặc biệt đã tạo nên sự đa dạng về địa hình, địa mạo và cảnh quan tự nhiên.

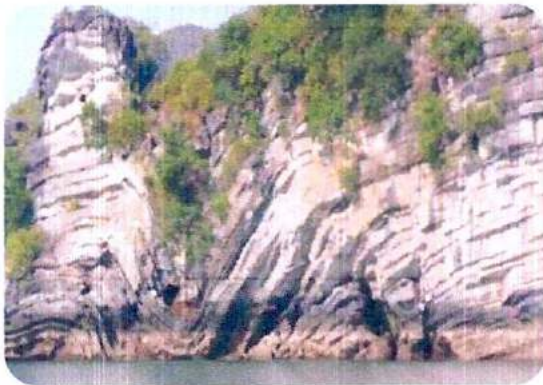
Giá trị về địa chất – địa mạo của vịnh Hạ Long được biểu hiện qua cảnh quan karst đá vôi, trưởng thành trong điều kiện nhiệt đới nóng ẩm bị biển xâm lấn và biến cải nhiều lần và hiện vẫn đang ngập chìm một phần trong nước.

Sự kết hợp giữa các yếu tố như tầng đá vôi dày (khoảng 1.000 m), khí hậu nóng ẩm và kiến tạo nâng chậm chạp với đầy đủ các pha đoạn của một chu trình biến hiện đại đã tạo nên mẫu hình tuyệt vời về karst đá vôi trưởng thành có quy mô lớn, đại diện một kì quan địa chất kì vĩ.

Trong vùng vịnh Hạ Long có rất nhiều hang với hệ thạch nhũ đẹp, như: động Thiên Cung, hang Sừng Sốt, hang Đầu Gỗ, hang Hồ Động Tiên,...



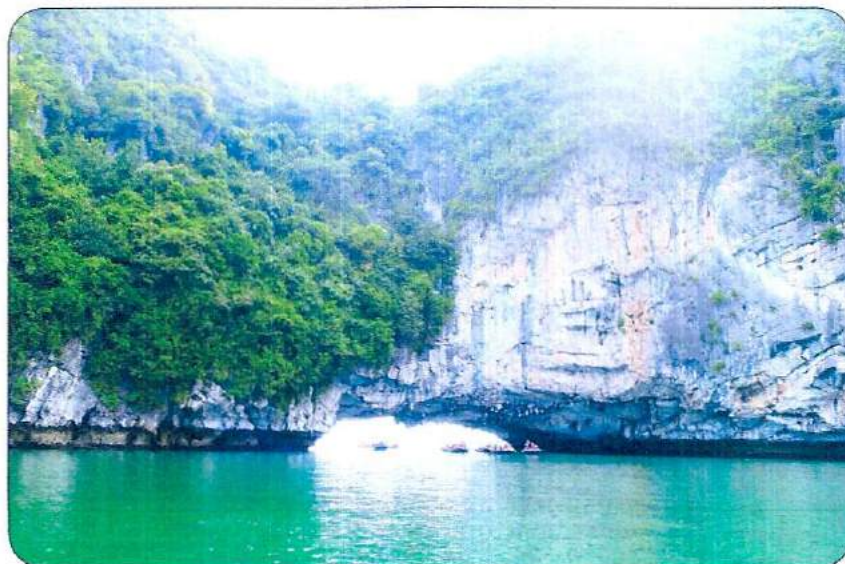
Hình 5.10. Động Mê Cung – một trong các hang ngầm cổ trên vịnh Hạ Long



Hình 5.11. Đá vôi phân lớp bị uốn nếp và đứt gãy trên vịnh Hạ Long



Hình 5.12. Hoá thạch quần thể san hô vách đáy có tuổi Cacbon sớm



Hình 5.13. Các ngán hàm ếch quanh chân đảo trên vịnh Hạ Long

EM CÓ BIẾT

Karst (tiếng Đức) là hiện tượng phong hoá đặc trưng của những miền núi đá vôi bị nước chảy xói mòn. Sự xói mòn không phải do cơ chế lực cơ học, mà chủ yếu là do khí điôxít cacbon (CO_2) trong không khí hoà tan vào nước, cộng với các ion dương của hiđrô (H^+) tạo thành axit cacbonic. Axit cacbonic là “thủ phạm” chính trong quá trình ăn mòn đá vôi. Sản phẩm tự nhiên của quá trình phong hoá karst là các hang động với các nhũ đá, măng đá, sông suối ngầm,... Các sản phẩm tự nhiên nổi tiếng tại Việt Nam là: vịnh Hạ Long, động Phong Nha (Quảng Bình), hồ Thang Hen (Cao Bằng), động Hương Tích (chùa Hương Hà Tây),...

Tại đây cũng có nhiều biểu hiện địa chất hấp dẫn, có giá trị khoa học cao như các ranh giới địa tầng, các điểm hoá thạch, các khối, mạch khoáng vật kết tinh trong đá; các uốn nếp, phân lớp trên vách đá; các mặt trượt và dăm kết biểu hiện của đứt gãy kiến tạo; các dạng địa hình karst và địa hình biển hiện đại; các ngấn ăn mòn, các vết bám của hữu hà minh chứng cho các mực biển cổ xưa,... là những di sản địa chất cần được nghiên cứu và bảo vệ.



Đọc thông tin ở mục 2, em hãy mô tả cảnh quan karst của vịnh Hạ Long.

3. Bảo tồn, giữ gìn, phát huy các giá trị của vịnh Hạ Long

Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long luôn được xác định là động lực phát triển du lịch của thành phố Hạ Long và tỉnh Quảng Ninh. Do đó, thời gian qua, công tác bảo tồn, giữ gìn, phát huy giá trị của vịnh Hạ Long luôn được đặt lên hàng đầu.

3.1. Coi trọng công tác bảo tồn

Quảng Ninh đã trở thành một địa chỉ thu hút hàng trăm dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch, huy động các nguồn lực của doanh nghiệp và nhân dân đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú và dịch vụ lưu trú. Tuy nhiên, song song với việc phát triển du lịch ngày càng tăng của Hạ Long thì nơi đây cũng đang chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố như: rác thải từ hoạt động du lịch, đánh bắt thuỷ sản trái phép, các dự án phát triển kinh tế lớn, hoạt động đổ đất lấn biển ở các khu vực xung quanh di sản và các hoạt động khác diễn ra trong khu vực ranh giới của di sản.

Để giải quyết được vấn đề trên, góp phần bảo tồn giá trị riêng vốn có của vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều Nghị quyết, chương trình hành động, nhiều giải pháp quyết liệt và tích cực góp phần bảo tồn giá trị Di sản vịnh Hạ Long.

Quảng Ninh đặc biệt chú trọng việc triển khai thực hiện quản lý về bảo vệ môi trường sinh thái; có giải pháp triệt để xử lý chất thải rắn, có giải pháp triệt để xử lý nước thải của các mỏ than, nước thải sinh hoạt tại các đô thị ven biển,...

Đối với các hoạt động lấn biển, yêu cầu chủ dự án phải xây dựng kè bao hoặc đắp bờ bao trước khi san lấp, có vét bùn để tránh bồi lắng vùng vịnh.

Tại khu vực ven bờ biển, các cống nước thải ven biển, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long bố trí nhân lực, phương tiện thu gom rác thải.

Trên vịnh Hạ Long, Ban Quản lý vịnh Hạ Long thực hiện thu gom rác thải tại các khu vực có hoạt động kinh tế, xã hội trên vịnh (các điểm du lịch, dịch vụ, luồng tuyến tham quan, các điểm nuôi trồng thủy sản, khu vực bãi triều, chân đảo, bãi cát). Tất cả rác thải thu gom được vận chuyển về bờ xử lý ngay trong ngày.

Các hoạt động này đã góp phần bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái và bảo tồn các giá trị di sản vịnh Hạ Long.

Công tác tu bổ, phục hồi và tôn tạo bảo vệ các di tích thuộc vịnh Hạ Long được quan tâm.

3.2. Kết hợp hài hoà giữa bảo tồn và phát triển

Quảng Ninh đã khai thác có hiệu quả giá trị cảnh quan thiên nhiên của Di sản vịnh Hạ Long nhằm phục vụ du lịch, đẩy mạnh hoạt động du lịch: đa dạng hoá các loại hình dịch vụ; mở rộng và bổ sung các tuyến, điểm du lịch trên vịnh; đầu tư nhiều dự án tôn tạo, bảo tồn di sản phục vụ khách tham quan; phục dựng các di sản văn hoá phi vật thể nhằm tạo sự hấp dẫn về văn hoá truyền thống của ngư dân làng chài trên vịnh đối với du khách tham quan vịnh Hạ Long. Cùng với đó, xuất bản nhiều ấn phẩm tuyên truyền, thực hiện các dự án, đề tài công trình nghiên cứu khoa học về giá trị di sản; tích cực tuyên truyền, quảng bá về vịnh Hạ Long trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các buổi thuyết minh, giới thiệu cho khách du lịch về giá trị Di sản vịnh Hạ Long,... Việc kết hợp hài hoà giữa bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản vịnh Hạ Long đã mang lại nhiều

khởi sắc cho ngành du lịch Quảng Ninh những năm gần đây. Khách du lịch tới Hạ Long ngày càng tăng, doanh thu từ ngành du lịch đóng góp không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể thì việc “kết hợp hài hoà” giữa bảo tồn và phát triển vẫn là thách thức lớn đặt ra đối với tỉnh Quảng Ninh, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, tích cực từ chính quyền, doanh nghiệp, người dân và du khách để đảm bảo cho vịnh Hạ Long có một tương lai phát triển bền vững; giá trị của vịnh Hạ Long được bảo vệ; đầu tư và phát triển.



Dựa vào thông tin mục 3 và hiểu biết thực tế, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- ① Vì sao cần phải đặt ra vấn đề bảo tồn, giữ gìn, phát huy các giá trị của vịnh Hạ Long?
- ② Nêu một số giải pháp đã được triển khai từ Ban Quản lí vịnh Hạ Long.



4. Hãy vẽ sơ đồ tư duy chứng minh sự đa dạng sinh học của vịnh Hạ Long.

5. Hãy thiết kế một khẩu hiệu bảo vệ các giá trị của vịnh Hạ Long với các tiêu chí sau: Khẩu hiệu dài không quá 20 từ, có vần điệu dễ nghe và có sức thuyết phục.



6. Giả sử em là đại biểu Quảng Ninh tham dự Hội nghị toàn quốc quyết định các giải pháp đối với vấn đề bảo tồn, giữ gìn, phát huy các giá trị của vịnh Hạ Long, em sẽ đưa ra ý kiến gì?

6

THỰC HÀNH LỊCH SỬ – TÁI HIỆN LỊCH SỬ

- Tham gia các hoạt động giáo dục tại di tích quốc gia đặc biệt (danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long, khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều, khu di tích lịch sử Bạch Đằng ở Quảng Yên, khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử ở Uông Bí, khu di tích lịch sử đền Cửa Ông ở Cẩm Phả, khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô).
- củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử.

1. Chuẩn bị thực hiện hoạt động giáo dục tại di tích quốc gia đặc biệt

Hãy nêu một số công việc chuẩn bị để tiến hành hoạt động giáo dục tại di tích quốc gia đặc biệt.

STT	Nội dung công việc	Sự chuẩn bị của em
1	Xác định một khu di tích quốc gia đặc biệt và tìm hiểu trước về di tích này	Khu di tích lịch sử Bạch Đằng ở Quảng Yên,...
2	Phân công công việc cho các thành viên trong lớp/ nhóm	Bảng phân công công việc cho các thành viên trong lớp/ nhóm
3	Đồ dùng học tập	Vở ghi chép, sách, bút,...
4	Phương tiện hỗ trợ học tập	Máy ghi âm, ghi hình,...
5	Đồ dùng cá nhân cần thiết phù hợp với từng khu di tích quốc gia đặc biệt	?
6	?	?
7	?	?
8	?	?

2. Thực hiện

Em cùng các bạn hãy lập kế hoạch và phân công tìm hiểu, giới thiệu về một trong số các di tích quốc gia đặc biệt: danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long, khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều, khu di tích lịch sử Bạch Đằng ở Quảng Yên, khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử ở Uông Bí, khu di tích lịch sử đền Cửa Ông ở Cẩm Phả, khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô.

STT	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Yêu cầu sản phẩm
	?	?	?	?
	?	?	?	?

Gợi ý tham quan, tìm hiểu các di tích quốc gia đặc biệt

2.1. Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long

2.2.....

2.3.....

2.4....

2.5....

2.6....

Gợi ý tham quan, tìm hiểu các di tích quốc gia đặc biệt

** Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long*



- ① Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu, quảng bá với du khách trong nước và quốc tế về vịnh Hạ Long – một trong 7 kì quan thiên nhiên mới của thế giới.
- ② Nêu một số việc làm của em để góp phần bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên và phát huy giá trị văn hoá, lịch sử của vịnh Hạ Long.



Hình 6.1. Vịnh Hạ Long

*** Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử ở Uông Bí**

Tham quan các công trình thuộc khu di tích (hệ thống chùa, thiền viện, am, tháp, bia tượng,...).



Hình 6.2. Tháp Tổ



Hình 6.3. Chùa Đồng



- ① Nêu cảm nhận của em khi được tham quan, trải nghiệm tại Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử.
- ② Em cần có hành động gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử?

*** Khu di tích lịch sử Bạch Đằng ở Quảng Yên**

Tham quan các công trình thuộc khu di tích (đền, đình, bãi cọc Bạch Đằng,...)



Hình 6.4. Đền Trần Hưng Đạo, phường Yên Giang



Hình 6.5. Bãi cọc Yên Giang, phường Yên Giang



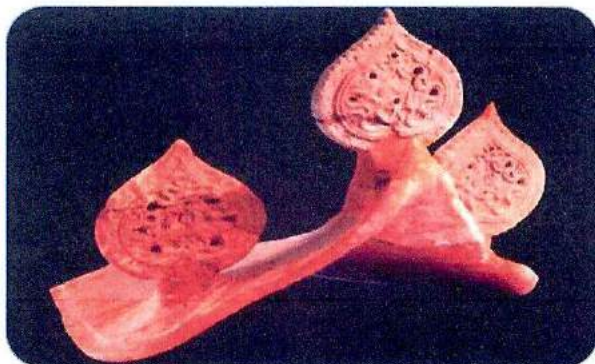
- ① Trong các điểm di tích thuộc Khu di tích lịch sử Bạch Đằng, em ấn tượng nhất với địa điểm nào? Vì sao?
- ② Kể tên một số việc làm cụ thể em và các bạn có thể thực hiện nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của Khu di tích lịch sử Bạch Đằng.

*** Khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều**

Tìm hiểu hệ thống đền, tháp, lăng, bảo vật,... thuộc khu di tích:



Hình 6.6. Đền An Sinh, xã An Sinh – Đông Triều



Hình 6.7. Ngói đầu đao lợp góc mái thời Trần, thế kỉ XIV, tìm thấy tại Thái Lăng, xã An Sinh



Hình 6.8. Hộp bằng vàng thời Trần – Bảo vật Quốc gia, tìm thấy ở khu vực hồ Trại Lốc, xã An Sinh



- ① Thông qua quá trình tìm hiểu và được tham quan Khu di tích lịch sử nhà Trần đã để lại cho em ấn tượng như thế nào?
- ② Là người con của quê hương Quảng Ninh, em cần làm gì để giới thiệu, quảng bá với khách tham quan về Khu di tích lịch sử nhà Trần cũng như giá trị của các bảo vật thuộc khu di tích này?

*** Khu di tích lịch sử đền Cửa Ông ở Cẩm Phả**

Tìm hiểu về các đền thờ và các thần tích, sắc phong trong Khu di tích đền Cửa Ông (khu vực thờ tự Đức Ông Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, các tướng lĩnh nhà Trần, Tam toà thánh Mẫu, thờ Phật).



Hình 6.9. Khu vực các đền thờ trong Khu di tích đền Cửa Ông



Chia sẻ với các bạn cảm nhận của em khi đến tham quan Khu di tích đền Cửa Ông. Em cần làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của khu di tích đó?

*** Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô**

Tham quan các địa điểm thuộc khu lưu niệm (khu tượng đài Bác Hồ, nhà trưng bày lưu niệm, ao cá, ruộng khoai, cánh đồng muối).



Hình 6.10. Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô



Hình 6.11. Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô



- ① Theo em, việc xây dựng Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô có ý nghĩa như thế nào?
- ② Để bảo tồn và phát huy giá trị của Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô, em và các bạn cần thực hiện những hành động/ việc làm cụ thể nào?

3. Báo cáo kết quả

Tổ chức để học sinh báo cáo kết quả về một trong số các di tích quốc gia đặc biệt mà học sinh đã tham quan, tìm hiểu: danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long, khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều, khu di tích lịch sử Bạch Đằng ở Quảng Yên, khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử ở Uông Bí, khu di tích lịch sử đền Cửa Ông ở Cẩm Phả, khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô.

Chủ đề 2 ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH QUẢNG NINH

- Trình bày khái quát được đặc điểm kinh tế của Quảng Ninh. Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Quảng Ninh.
- Nêu được đặc điểm phát triển một số ngành kinh tế trọng điểm (lĩnh vực nông – lâm – thủy sản, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ) của Quảng Ninh.
- Xác định được trên lược đồ sự phân bố một số ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh.

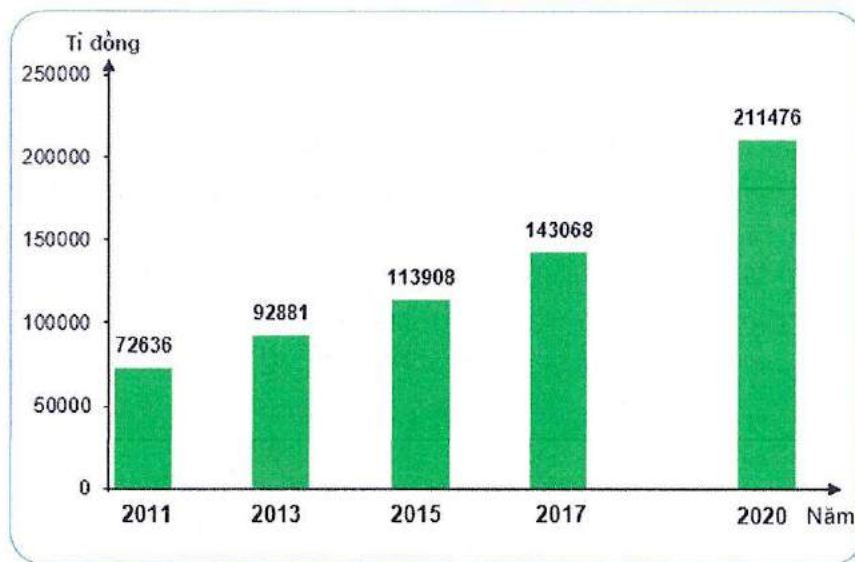


Dựa vào kiến thức đã học và những hiểu biết thực tiễn của bản thân, em hãy cho biết nếu là một nhà đầu tư vào Quảng Ninh, em sẽ đầu tư vào những ngành kinh tế nào? Vì sao?



1. Khái quát đặc điểm kinh tế của Quảng Ninh

Quảng Ninh không ngừng phát huy tiềm năng, thế mạnh để phát triển nhanh, bền vững, trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc. Kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, cơ cấu chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, GRDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt trên 6.742 USD/người/năm, gấp 2 lần bình quân chung của cả nước. Quảng Ninh có tốc độ tăng GRDP hằng năm đạt 8,9%, gấp 1,5 tốc độ tăng của cả nước trong cùng thời kì (6,0%) và đứng thứ 4 trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giai đoạn 2011 – 2020.



Hình 7.1. Biểu đồ tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh



Hình 7.2. Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2011 – 2020 (%)



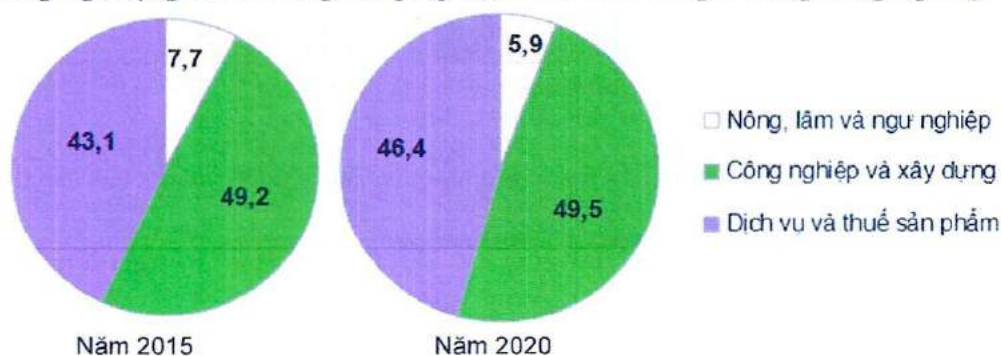
Dựa vào hình 7.1 và 7.2, em hãy nhận xét sự thay đổi tổng sản phẩm và tốc độ tăng trưởng GRDP của Quảng Ninh giai đoạn 2011 – 2020.

Nền kinh tế Quảng Ninh còn gặp khó khăn trong quá trình phát triển như thiên tai, tình trạng ô nhiễm môi trường, sự chênh lệch về cơ sở hạ tầng giữa các vùng thành thị với vùng miền núi và hải đảo còn khá lớn, thiếu lao động đã qua đào tạo.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2.1. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Dựa trên thế mạnh của Quảng Ninh, cơ cấu kinh tế theo ngành chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”. Tỷ trọng của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm; ngược lại tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ và thuế sản phẩm có xu hướng tăng nhanh. Trong nông nghiệp giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng của ngành chăn nuôi và thủy sản. Trong công nghiệp giảm tỷ trọng công nghiệp khai thác tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến.



Hình 7.3. Biểu đồ cơ cấu GRDP theo khu vực kinh tế của Quảng Ninh năm 2015 và năm 2020 (%)

Bảng 7.1. Tốc độ trưởng GRDP tỉnh Quảng Ninh theo giá so sánh năm 2010
phân theo khu vực kinh tế, giai đoạn 2015 - 2020 (%)

Khu vực kinh tế \ Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Nông, lâm, thủy sản	4,1	4,6	4,4	4,7	0,4	3,5
Công nghiệp và xây dựng	7,6	10,0	7,6	11,2	14,3	11,9
Dịch vụ và thuế sản phẩm	9,3	11,3	13,7	12,8	10,7	8,8



Dựa vào hình 7.3 và bảng 7.1, em hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu và tốc độ tăng trưởng GRDP phân theo khu vực kinh tế tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

Quảng Ninh phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, tăng cường thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Cơ cấu thành phần kinh tế có sự tham gia của các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, tỉ trọng kinh tế ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài xu hướng ngày càng tăng trong sự phát triển kinh tế của Quảng Ninh.

Bảng 7.2. Cơ cấu GRDP Quảng Ninh phân theo thành phần kinh tế (%)

Năm	2011	2019
Kinh tế Nhà nước	52,1	41,2
Kinh tế ngoài Nhà nước	34,1	36,0
Trong đó: – Kinh tế tập thể	2,7	1,0
– Kinh tế tư nhân	17,2	18,8
– Kinh tế cá thể	14,2	16,2
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4,2	9,8
Thành phần khác	9,6	13,0

(Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư Quảng Ninh)



Dựa vào bảng 7.2, em hãy cho biết cơ cấu GRDP theo thành phần kinh tế của Quảng Ninh năm 2011 và năm 2019 thay đổi như thế nào?



Hình 7.4. Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn – sân bay tư nhân đầu tiên của Việt Nam

2.3. Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế

Các yếu tố ảnh hưởng và tác động đến chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế Quảng Ninh gồm các yếu tố vị trí địa lí, các yếu tố tự nhiên, tài nguyên và các yếu tố kinh tế – xã hội. Việc phát huy thế mạnh của địa phương đã tạo sự phân hóa sản xuất với 5 khu vực chính:

Vùng đô thị trung tâm Hạ Long – Cẩm Phả: Là trung tâm kinh tế của Quảng Ninh với các ngành kinh tế chủ chốt là du lịch, công nghiệp, thương mại.

Tiểu vùng phía Tây (Quảng Yên – Uông Bí – Đông Triều): tập trung sản xuất công nghiệp, du lịch, vùng trồng cây ăn quả, vùng sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản.

Tiểu vùng các khu kinh tế cửa khẩu (Móng Cái – Hải Hà – Bình Liêu – Đầm Hà): hình thành khu kinh tế cửa khẩu, thương mại, du lịch, trồng chè, trồng nông sản, chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp.

Tiểu vùng khu kinh tế Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô: phát triển mạnh du lịch, công nghiệp và thủy sản.

Khu vực miền núi phía Bắc (Tiên Yên – Ba Chẽ): Chủ yếu là phát triển ngành chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản...

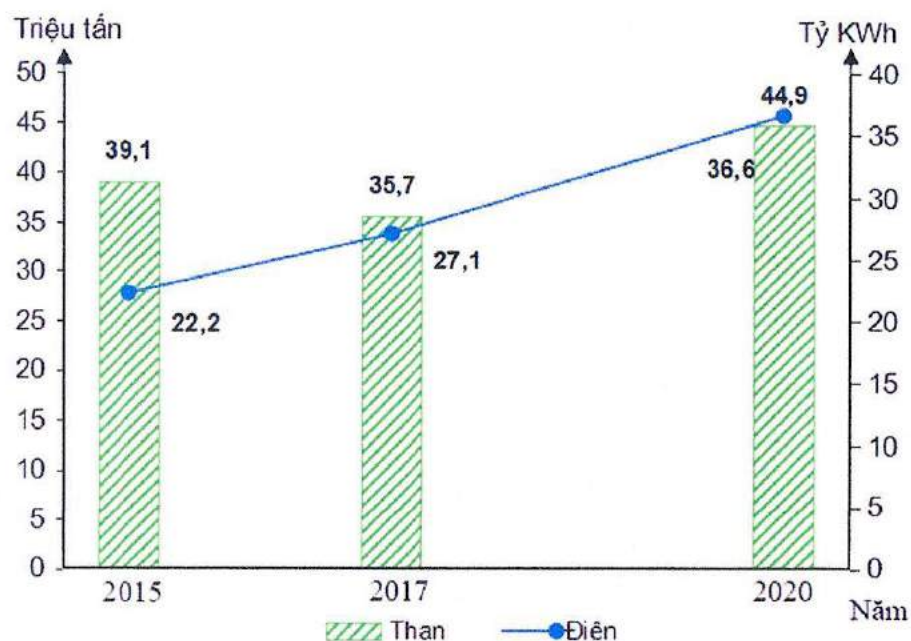
3. Một số ngành kinh tế trọng điểm của Quảng Ninh

3.1. Công nghiệp

Quảng Ninh trở thành tỉnh công nghiệp lớn nhất của khu vực Đông Bắc, là một trong ba trung tâm công nghiệp lớn của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Cơ cấu ngành công nghiệp ngày càng đa dạng, đóng góp cho sự tăng trưởng GRDP của Quảng Ninh.

3.1.1. Khai thác than

Khai thác than có những đóng góp đặc biệt to lớn cho sự phát triển của Quảng Ninh. Sản lượng than được khai thác chiếm khoảng 90% tổng sản lượng than của cả nước, tập trung chủ yếu ở 3 khu vực Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí – Đông Triều.



Hình 7.5. Biểu đồ sản lượng than khai thác và điện ở Quảng Ninh

Tuy nhiên tỉ trọng giá trị sản xuất than trong ngành công nghiệp khai khoáng có xu hướng giảm khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ "nâu" sang "xanh" do liên quan đến môi trường và sức khỏe con người.



Dựa vào hình 7.5, em hãy nhận xét tình hình phát triển ngành than của Quảng Ninh.

3.1.2. Sản xuất điện

Quảng Ninh chủ yếu sản xuất nhiệt điện từ than đá. Sản lượng điện liên tục tăng nhanh, điện sản xuất bình quân tăng 10,5%/năm. Năm 2020, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 7 nhà máy nhiệt điện tổng công suất 5.640 MW và nhà máy điện khí thiên nhiên hoá lỏng đang xây dựng. Tiềm năng về thủy điện và



Hình 7.6. Nhà máy nhiệt điện Mông Dương I và Mông Dương II

nguồn năng lượng khác của Quảng Ninh có rất nhiều từ điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác.



Dựa vào hình 7.5, và kiến thức mục 3.1.2, em hãy cho biết tình hình sản xuất điện ở Quảng Ninh.

3.1.3. Công nghiệp chế biến, chế tạo

Công nghiệp chế biến, chế tạo là một trong những ngành kinh tế có vai trò ngày càng quan trọng cho sự phát triển của Quảng Ninh. Năm 2020, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 9,8% cơ cấu GRDP, chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất thực phẩm (bột mì, dầu ăn), sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim (xi măng, clinker, sản xuất gạch). Quảng Ninh có những định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đối với các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng, có sức lan toả, thúc đẩy phát triển công nghiệp. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ yếu tập trung tại các địa phương như: Quảng Yên, Hạ Long, Hải Hà, Móng Cái.

3.2. Dịch vụ

3.2.1. Du lịch

Quảng Ninh là tỉnh có nhiều lợi thế, tiềm năng để phát triển trở thành một trung tâm du lịch hiện đại của Việt Nam và trong khu vực với đa dạng các loại hình du lịch. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được cải thiện như: các tuyến đường giao thông, điện, mạng lưới khách sạn, nhà hàng có bước phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Du lịch đang trên con đường đổi mới để hội nhập là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”.

Bảng 7.3. Số khách tham quan và doanh thu du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020

Năm	Số khách tham quan (lượt người)	Doanh thu (tỷ đồng)	Chia ra	
			Khách nội địa	Khách quốc tế
2015	7.767.500	10.900	5.008.000	2.759.500
2017	9.872.985	17.885	5.588.872	4.284.113
2020	8.848.000	20.097	8.308.000	540.000

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh)

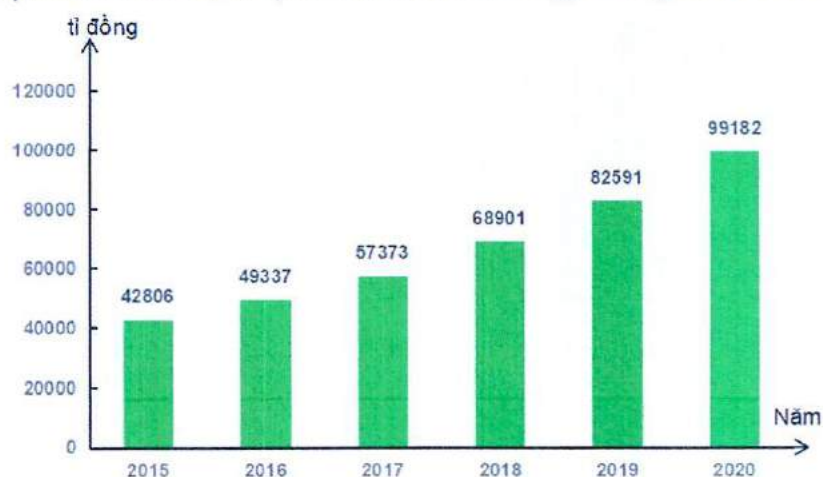
Không gian phát triển du lịch được mở rộng tới các địa bàn có tiềm năng như: Ưông Bí, Đông Triều, Móng Cái, Hải Hà, Vân Đồn, Cô Tô. Tại Hạ Long không gian du lịch được mở rộng từ khu vực Bãi Cháy đến trung tâm thành phố Hạ Long.



Dựa vào bảng 7.3, em hãy cho biết tình hình phát triển du lịch của Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020.

3.2.2. Thương mại

Nội thương: Quảng Ninh cũng đã chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nội địa gồm hệ thống các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo hướng văn minh, hiện đại. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng liên tục tăng, trong đó ngành bán lẻ hàng hoá có vai trò chủ đạo trên địa bàn của tỉnh. Các mặt hàng thương mại nội địa chiếm tỉ trọng cao gồm: lương thực, thực phẩm, xăng dầu các loại và nhiên liệu, gỗ và vật liệu xây dựng, đồ dùng, trang thiết bị gia đình, hàng may mặc. Hoạt động nội thương ở Quảng Ninh phát triển ở thành phố lớn như Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Ưông Bí.



Hình 7.8. Biểu đồ tổng mức bán lẻ hàng hoá tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020



Hình 7.9. Cửa khẩu quốc tế Móng Cái

Ngoại thương: Thị trường xuất nhập khẩu của tỉnh chủ yếu diễn ra ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Các mặt hàng xuất khẩu dựa trên thế mạnh của tỉnh gồm: than sạch, xi măng, clanke, xơ, sợi bông cotton, vải, dăm gỗ, dầu thực vật,... trở thành nguồn thu ngoại tệ của Quảng Ninh.

Bảng 7.4. Giá trị xuất nhập khẩu tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	1.564	1.603	1.768	1.963	2.164	2.342
Giá trị nhập khẩu (triệu USD)	2.662	2.720,3	2.829	1.870	1.914	2.087

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh)



Dựa vào hình 7.8 và bảng 7.4, em hãy cho biết tình hình phát triển ngành thương mại của Quảng Ninh.

3.2.3. Giao thông vận tải

Quảng Ninh có cơ sở hạ tầng giao thông tương đối hoàn chỉnh khi sở hữu sân bay, đường cao tốc và hệ thống cảng biển hiện đại. Quảng Ninh có đầy đủ các loại hình giao thông gồm: đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không. Công trình trọng điểm có đóng góp to lớn cho sự phát triển của Quảng Ninh như: Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn, cảng tàu khách quốc tế Hạ Long, cảng tổng hợp Vạn Ninh, đường cao tốc Hải Phòng – Hạ Long – Vân Đồn, Vân Đồn – Móng Cái.



Hình 7.10. Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long



Em hãy cho biết sự phát triển của ngành giao thông vận tải Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay và ý nghĩa của giao thông vận tải đối với sự phát triển kinh tế của Quảng Ninh.

3.3. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

3.3.1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

Tỉ trọng giá trị sản xuất ngành trồng trọt tuy đã giảm nhẹ, nhưng vẫn có vai trò quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp của tỉnh Quảng Ninh.

Bảng 7.5. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp

(Đơn vị: %)

Năm	2011	2014	2018	2020
Trồng trọt	65,7	70,3	71,7	70,4
Chăn nuôi	34,3	29,7	28,3	29,6

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh)

Cây lúa là cây lương thực chủ yếu trong ngành trồng trọt. Năng suất lúa liên tục tăng nhờ áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật. Lúa được trồng nhiều nhất ở Đông Triều, Quảng Yên, Hải Hà, Tiên Yên.



Hình 7.11. Thu hoạch lúa vụ chiêm xuân ở Đông Triều



Hình 7.12. Thu hoạch hoa hồi tại Bình Liêu

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng cây trồng có giá trị, phù hợp điều kiện tự nhiên của Quảng Ninh. Vùng trồng rau, hoa màu, cây ăn quả và cây công nghiệp có xu hướng phát triển mạnh. Cây ăn quả trồng nhiều nhất ở Đông Triều, Uông Bí.



Dựa vào bảng 7.5, em hãy cho biết tình hình phát triển ngành trồng trọt.

b. Chăn nuôi

Quảng Ninh chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phương thức sản xuất quy mô lớn, áp dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Chăn nuôi gia súc tập trung ở Bình Liêu, Hải Hà, Quảng Yên, Móng Cái, trong đó chăn nuôi lợn phân bố tập trung nhiều ở Đông Triều, Quảng Yên, Hải Hà; chăn nuôi gà, vịt, cà sáy tập trung nhiều ở Tiên Yên.

3.3.2. Lâm nghiệp

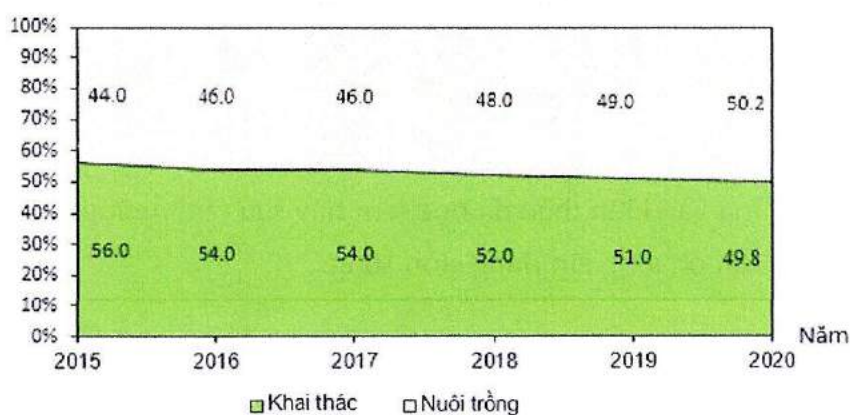
Ngành lâm nghiệp có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ môi trường. Các sản phẩm chủ lực của phân ngành này là gỗ thông, tre, quế và nứa. Hạ Long, Ba Chẽ, Tiên Yên và Vân Đồn là 4 địa phương đứng đầu về diện tích đất lâm nghiệp. Cây lâm nghiệp chủ yếu ở Quảng Ninh là keo (rừng sản xuất) và thông (rừng phòng hộ). Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt trên 55%.



Em hãy đề xuất một số giải pháp bảo vệ tài nguyên rừng.

3.3.3. Thủy sản

Quảng Ninh là tỉnh ven biển, có hơn 250 km đường bờ biển. Thủy sản là ngành sản xuất quan trọng trong cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Ninh và ngày càng phát triển mạnh. Khai thác thủy sản thay đổi mạnh mẽ theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm khai thác vùng



Hình 7.13. Biểu đồ cơ cấu giá trị sản lượng thủy sản Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020

gần bờ. Nuôi trồng thủy sản tập trung sản phẩm nuôi tôm, nhuyễn thể, cá biển ở Vân Đồn, Đầm Hà, Hải Hà, Cẩm Phả.



Dựa vào hình 7.13, em hãy nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản lượng ngành thủy sản Quảng Ninh. Tại sao Quảng Ninh tăng cường khai thác xa bờ?



4. Cho bảng số liệu sau đây:

Bảng 7.6. Tổng số lượt khách và doanh thu du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020

Năm	2015	2016	2018	2020
Khách du lịch (triệu lượt)	7,7	8,3	12,2	8,8
Doanh thu (nghìn tỉ đồng)	10,9	13,3	23,6	17,0

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh)

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tình hình số lượt khách và doanh thu du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020.

b) Nhận xét và giải thích tình hình số lượt khách và doanh thu du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2015 – 2020.

5. Tại sao Quảng Ninh thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”?



6. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy sưu tầm những hình ảnh nổi bật về ngành kinh tế của địa phương em đang sinh sống.

Chủ đề 3 KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP

8

NGÀNH NGHỀ KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM VÀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG Ở TỈNH QUẢNG NINH

- Tìm hiểu được thông tin liên quan đến các ngành/ nghề kinh tế trọng điểm tại địa phương.
- Nêu được hiểu biết cơ bản về thị trường lao động của tỉnh.
- Tìm hiểu được thông tin liên quan đến ngành/ nghề mình yêu thích và thị trường lao động ở các kênh chính thức trên địa bàn, qua mạng internet.



- ① Em đã biết những ngành nghề nào ở Quảng Ninh?
- ② Em dự định lựa chọn cho mình ngành, nghề gì trong tương lai? Tại sao?



1. Các ngành nghề kinh tế trọng điểm tại Quảng Ninh

1.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

– *Nông nghiệp có các ngành:* Trồng lúa; trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; trồng rau, đậu các loại và trồng hoa; trồng cây ăn quả; trồng cây chè; trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm. Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn; chăn nuôi gia cầm,... Quảng Ninh bước đầu hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đông Triều, Đầm Hà, xây dựng một số vùng sản xuất tập trung như vùng lúa (Đông Triều, Quảng Yên); vùng rau, hoa (Quảng Yên, Hạ Long); vùng chè (Hải Hà, Đầm Hà); vùng ba kích (Ba Chẽ, Tiên Yên), vùng cây hương liệu (Ba Chẽ, Bình Liêu),...



Hình 8.1. Công nhân trồng rau công nghệ cao tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại 188 (Đông Triều)

– *Lâm nghiệp có các ngành:* Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; khai thác gỗ,... Quảng Ninh có trên 370.000 ha đất lâm nghiệp. Tỉnh đang triển khai kế hoạch trong giai đoạn 2020 – 2030 trồng mới 24.000 ha rừng gỗ lớn, cây bản địa để nâng cao chất lượng rừng.

– *Thủy sản có các ngành:* Khai thác thủy sản; nuôi trồng thủy sản. Quảng Ninh có nhiều ngư trường, diện tích ao hồ, mặt nước để khai thác và nuôi trồng thủy sản biển và thủy sản nội địa, vì thế nghề khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản đang được chú trọng phát triển.

1.2. Xây dựng

Xây dựng ở Quảng Ninh gồm các ngành nghề: xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng; hoạt động xây dựng chuyên dụng. Quảng Ninh là địa phương có tốc độ phát triển hạ tầng giao thông, du lịch và tốc độ đô thị hoá cao nên các ngành nghề thuộc ngành xây dựng đang thu hút lớn nguồn nhân lực.

1.3. Khai khoáng

Khai khoáng ở Quảng Ninh chủ yếu là các ngành nghề: khai thác than; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Nghề khai thác than là nghề truyền thống của Quảng Ninh, hiện đang tập trung khai thác hầm lò. Nghề khai thác đá, cát, sỏi, đất sét cũng được phát triển sớm và đang được phát triển theo hướng nâng cao công nghệ, bảo vệ môi trường.



Hình 8.2. Công nhân khai thác than tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh

1.4. Công nghiệp chế biến, chế tạo

Công nghiệp chế biến, chế tạo ở Quảng Ninh chủ yếu các ngành nghề: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến rau quả; sản xuất đồ uống. Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ; sản xuất xi măng. Sản xuất thiết bị điện; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; đóng tàu và thuyền;... Quảng Ninh chú trọng phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao thân thiện với môi trường.



Hình 8.3. Công nhân ngành sợi tại Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Texhong Ngân Long (KCN Hải Yên)



Hình 8.4. Công nhân may mặc tại Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt Việt Nam (KCN Cảng biển Hải Hà)



Hình 8.5. Công nhân chế biến tôm xuất khẩu tại Công ty Cổ phần Thủy sản BNA Ba Chẽ



Hình 8.6. Công nhân lắp ráp linh kiện điện tử tại Nhà máy Bumjin Electronics (KCN Đông Mai)

1.5. Vận tải kho bãi

Quảng Ninh là đầu mối giao thương quốc tế nên các ngành vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống; vận tải đường thủy; vận tải hàng không đều phát triển. Ngành kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải tại các cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không cũng phát triển theo. Do đó các nghề đáp ứng cho các ngành này có xu hướng ngày một phát triển ở Quảng Ninh.

1.6. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Quảng Ninh là một trung tâm nhiệt điện lớn của cả nước, hiện nay với 7 nhà máy nhiệt điện than trên địa bàn có sản lượng điện chiếm khoảng 15% sản lượng điện sản xuất toàn quốc. Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh đang được xây dựng. Quảng Ninh còn có điều kiện để phát triển điện gió. Các ngành sản xuất điện, truyền tải điện, phân phối điện sẽ tiếp tục phát triển ở Quảng Ninh.

1.7. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ

Quảng Ninh phát triển các ngành dịch vụ, trong đó nghề hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ phát triển nhanh, cụ thể là các nghề: cho thuê máy móc, thiết bị; hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; hoạt động bảo vệ tư nhân; hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng...

1.8. Dịch vụ lưu trú và ăn uống

Dịch vụ lưu trú và ăn uống ở Quảng Ninh ngày một phát triển hiện đại. Về lưu trú, không chỉ có các khách sạn lớn mà còn có các biệt thự, hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Các ngành nghề cụ thể như quản trị khách sạn, quản trị buồng phòng, quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống đang được tỉnh Quảng Ninh chú trọng đào tạo.

1.9. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

Quảng Ninh là tỉnh đang được tập trung đầu tư phát triển, đầu mối giao thương nên các ngành nghề thuộc nhóm hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm cũng phát triển, tạo ra nhiều cơ hội việc làm.

1.10. Hoạt động kinh doanh bất động sản

Là tỉnh có ưu thế phát triển kinh doanh bất động sản, do đó ngành nghề mua, bán nhà và quyền sử dụng đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất,... ngày một phát triển ở Quảng Ninh.

1.11. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

Không chỉ sản xuất, nhập khẩu, Quảng Ninh còn là tỉnh sử dụng nhiều ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Vì vậy, nghề bán buôn, bán lẻ, cùng sửa chữa các loại xe này thu hút nhiều lao động trên địa bàn.



Trong các ngành nghề kinh tế trọng điểm tại Quảng Ninh nói trên, em tự thấy mình phù hợp với ngành nghề nào? Vì sao?

2. Thị trường lao động tỉnh Quảng Ninh

– *Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn 2021 – 2025)* đề ra chỉ tiêu mỗi năm giải quyết việc làm cho 29.500 lao động (trong đó tạo việc làm tăng thêm cho từ 13.000 đến 15.000 lao động).

– *Cơ hội việc làm từ các khu công nghiệp:* Giai đoạn 2021 – 2025, nhu cầu của các doanh nghiệp thứ cấp trong các khu công nghiệp khoảng 28.000 lao động, trong đó 17% lao động qua đào tạo các ngành nghề: ngoại ngữ (tiếng Trung), cơ khí, dệt, hoá nhuộm, kĩ thuật điện,...

– *Nhu cầu thị trường lao động tăng nhanh trong lĩnh vực ngành nghề:* công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất, phân phối điện; vận tải kho bãi; xây dựng; thủy sản; dịch vụ,...

– *Nhu cầu lao động chất lượng cao ngành du lịch:* Các ngành dịch vụ phát triển (dự kiến 46 – 47% trong cơ cấu kinh tế 2025), do đó nhu cầu lao động tăng cả về số lượng và chất lượng, nhất là đối với du lịch.

– *Nhu cầu lao động khai thác hầm lò:* Ngành than có gần 10 vạn công nhân, nhân viên, chủ yếu ở Quảng Ninh, nhu cầu nguồn nhân lực thay thế người nghỉ hưu rất lớn, nhất là lao động khai thác hầm lò.

– *Lao động khởi nghiệp:* Hằng năm Quảng Ninh đề ra chỉ tiêu tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm thông qua dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho 7.000 lao động trở lên.

– *Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài:* Quảng Ninh đề ra mục tiêu mỗi năm có từ 400 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.



Em hãy cho biết nhu cầu lao động của một số ngành nghề ở Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025?

3. Tiếp cận thông tin ngành nghề mình yêu thích

3.1. Từ các kênh chính thức trên địa bàn tỉnh

– Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Ninh:

Fanpage: “Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh”

+ *Trụ sở chính:* Khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh B, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long; điện thoại: 0203.382.9760. Sàn giao dịch việc làm định kỳ vào ngày 10 và 25 hằng tháng.

+ *Chi nhánh thành phố Móng Cái:* Số 35, phố Hữu Nghị, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái; điện thoại: 0203.377.0864. Sàn giao dịch việc làm định kỳ vào ngày 10 hằng tháng.

+ *Văn phòng thành phố Cẩm Phả:* Tổ 5, khu Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả; điện thoại: 0203.386.3588. Sàn giao dịch việc làm định kỳ vào ngày 10 hằng tháng.

+ *Văn phòng thành phố Uông Bí:* Khu tái định cư, ngã 3 Cầu Sến, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí; điện thoại: 0203.356.6919. Sàn giao dịch việc làm định kỳ vào ngày 10 và 25 hằng tháng.



Hình 8.7. Hình ảnh đại diện và ảnh bìa Fanpage: “Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh” (năm 2022)



Hình 8.8. Tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh



Hình 8.9. Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Ninh tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh tại Trường THPT Hoàng Quốc Việt, thị xã Đông Triều

– Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh:

Website: <http://hiephoidoanhnghiepquangninh.vn>

Fanpage: “Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh”

– Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Ninh:

Website: <https://dntquangninh.vn>

Fanpage: “Doanh nhân trẻ Quảng Ninh”

– Câu lạc bộ Đầu tư & Khởi nghiệp tỉnh Quảng Ninh:

Website: <https://khoinghiepquangninh.com>

Fanpage: “CLB Đầu tư và Khởi nghiệp Quảng Ninh”

– Liên minh hợp tác xã tỉnh Quảng Ninh:

Website: <https://www.lienminhhoptacxaquangninh.com.vn>

– Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh (mục “Doanh nghiệp”; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về giáo dục nghề, lao động việc làm; Sở Giáo dục và Đào tạo về các Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên ở các huyện, thị xã, thành phố):

Website: <https://www.quangninh.gov.vn>

– Báo Quảng Ninh điện tử (phần “Tuyển dụng” trong mục “Thông tin – Quảng cáo”):

Website: <https://baoquangninh.com.vn>

3.2. Từ tìm kiếm trên internet

Xác định nội dung cần tìm kiếm và đặt từ khoá để tìm kiếm trên Google. Ví dụ từ khoá: “nghề hướng dẫn viên du lịch”; “nghề thợ mỏ”,... Chú ý lựa chọn nội dung tìm kiếm ở những trang web của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.



Em có thể tìm kiếm thông tin về thị trường lao động của tỉnh Quảng Ninh từ các kênh nào trên mạng internet?



4. Em hãy thống kê các ngành nghề kinh tế trọng điểm tại tỉnh Quảng Ninh.

5. Em hãy nêu những nét cơ bản của thị trường lao động tỉnh Quảng Ninh.



6. Em hãy tìm hiểu qua kênh chính thức trên địa bàn tỉnh về ngành nghề mà em yêu thích, ngành nghề đó hiện có ở những doanh nghiệp nào và đang phát triển ra sao?

7. Các kênh chính thức của tỉnh về thị trường lao động cần cải tiến các nội dung, hoạt động gì?

Chủ đề 4 CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

9

AN NINH, AN TOÀN TRONG TRƯỜNG HỌC Ở QUẢNG NINH

- Giải thích được thế nào là an ninh, an toàn trong trường học, từ đó nhận biết được các tình huống nguy hiểm có thể diễn ra trong trường học ở Quảng Ninh.
- Biết thực hành một số cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm trong trường học để đảm bảo an toàn.



Tình huống:

Trống ra chơi giữa giờ đã điểm nhưng bên ngoài trời đang có mưa và sấm sét lớn, bạn A muốn chạy ra ngoài hành lang chơi. Theo em, bạn A ra hành lang chơi trong điều kiện thời tiết như vậy có đảm bảo an toàn hay không? Em sẽ làm gì khi bạn có ý định như vậy?



Hình 9.1



1. An ninh, an toàn trong trường học

An ninh trường học bao gồm tất cả các biện pháp được thực hiện để chống lại các mối đe dọa đối với con người và tài sản trong môi trường giáo dục.

An toàn trường học là tạo ra môi trường an toàn cho trẻ em, bắt đầu từ nhà đến trường học và quay trở lại. Điều này bao gồm sự an toàn trước bất kì hình thức lạm dụng, bạo lực, vấn đề tâm lí – xã hội, thảm họa: thiên nhiên và nhân tạo, hoả hoạn, giao thông vận tải.

Như vậy an ninh thường tập trung vào việc đảm bảo rằng các yếu tố bên ngoài không gây ra nguy hiểm hoặc tình huống không mong muốn đối với tổ chức, cá nhân và các tài sản trong nhà trường. Mặt khác, an toàn là cảm giác được bảo vệ khỏi các yếu tố gây hại.

An toàn và an ninh là nhu cầu cần được đáp ứng trong môi trường giáo dục tại nước ta nói chung và Quảng Ninh nói riêng. Học sinh, giáo viên và nhân viên phải cảm thấy an toàn trước khi mọi người có thể tập trung vào việc dạy và học. Có thể nói đây là vấn đề nền tảng trong việc xây dựng môi trường học tập thân thiện, an toàn, từ đó mới có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.



Em hãy phân biệt giữa an ninh và an toàn trong trường học.

2. Một số yếu tố cần đạt để đánh giá an toàn, an ninh trong trường học

STT	Nội dung	Đạt	Không đạt
Phòng chống ngã			
1	Đường đi, sân trường bằng phẳng, không trơn trượt, mấp mô		
2	Các cây cao, cổ thụ ở sân trường được chặt tỉa cành trước mùa mưa bão và có rào chắn hoặc nội quy để học sinh không leo trèo		
3	Ban công và cầu thang có tay vịn, lan can chắc chắn		
4	Bàn ghế vững chắc, mặt bàn nhẵn, góc bàn không nhọn, đảm bảo khoảng cách theo quy định		
5	Dụng cụ tập luyện thể dục thể thao bảo đảm các tiêu chuẩn kĩ thuật, an toàn		
Phòng chống tai nạn giao thông			
1	Học sinh được học/phổ biến về luật an toàn giao thông		
2	Xung quanh trường có hệ thống tường rào, cổng chắc chắn và có người quản lí để học sinh không chơi, đùa ngoài đường		
3	Có biển báo giảm tốc độ ở đoạn đường gần trường và có biện pháp chống ùn tắc giao thông giờ vào học và giờ tan trường		
Phòng chống đuối nước			
1	Giếng, dụng cụ chứa nước có nắp đậy chắc chắn		
2	Có hàng rào chắc chắn quanh ao, hồ và những hố nước, hố vôi trong khu vực trường học		
Phòng chống đánh nhau, bạo lực trong trường học			
1	Không có các vụ đánh nhau trong trường học gây tai nạn thương tích		
2	Học sinh không được mang các vật sắc nhọn, dao, súng cao su, chất nổ, chất độc, hại và các hung khí đến trường		

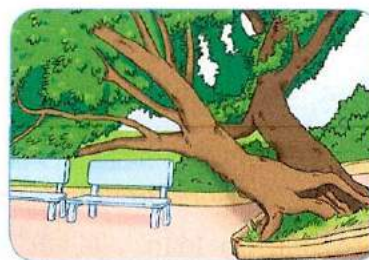
STT	Nội dung	Đạt	Không đạt
	Phòng chống bỏng, điện giật, cháy nổ		
1	Có nội quy phòng, chống điện giật, cháy nổ		
2	Hệ thống điện trong lớp học, xưởng, trường, thư viện, phòng thí nghiệm,... đảm bảo quy định về an toàn điện		
3	Bảng điện có nắp đậy và có khoá bảo vệ		
4	Phòng thí nghiệm có nội quy, hướng dẫn sử dụng các dụng cụ, hoá chất,...		
5	Có trang, thiết bị phòng, chữa cháy đặt ở nơi thuận tiện cho việc sử dụng		



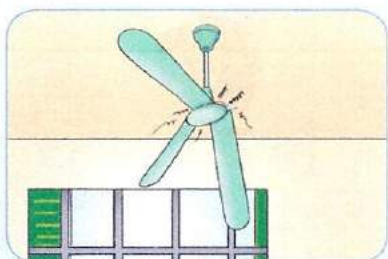
- ① Hãy đánh giá mức độ đạt/không đạt một số tiêu chí trên tại trường học của em.
- ② Hãy đặt tên và nhận xét về các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra ở các bức ảnh/tranh vẽ dưới đây:



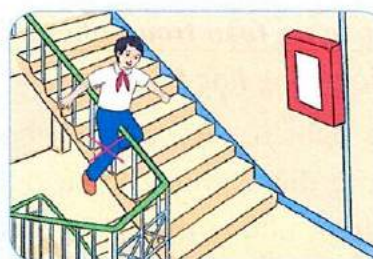
Hình 9.2



Hình 9.3



Hình 9.4

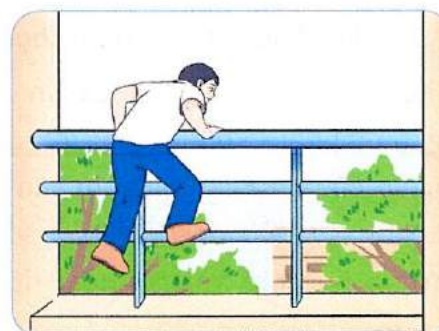


Hình 9.5

3. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm trong trường học để đảm bảo an toàn

3.1. Trong lớp học, sân trường, hành lang, cầu thang

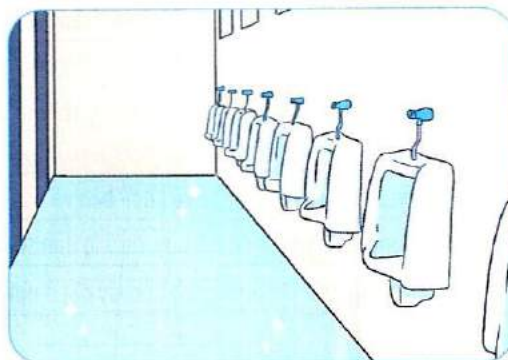
Không chạy nhảy, đùa nghịch trên bàn ghế, cầu thang, hành lang,... không thò đầu hoặc trèo lên lan can, cửa sổ. Luôn chú ý cẩn thận khi đi hành lang, cầu thang bộ (hoặc cầu thang máy).



Hình 9.6

3.2. Đảm bảo an toàn và giữ gìn vệ sinh chung

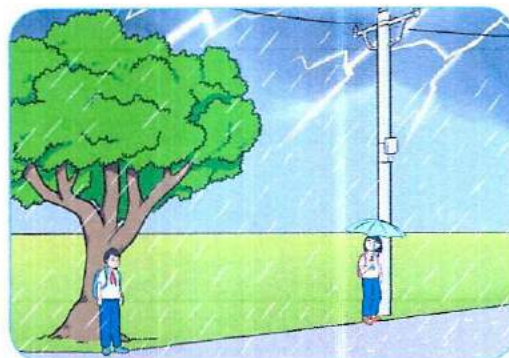
Khi trực nhật và sử dụng nhà vệ sinh cần lưu ý tránh để ướt nền nhà gây trơn trượt. Không đùa nghịch với các chất tẩy rửa vệ sinh. Nếu trường hợp vô tình bị các chất tẩy rửa bắn vào mắt cần rửa ngay bằng nước sạch và lập tức báo cáo với thầy, cô giáo hoặc đến phòng y tế để được sơ cấp cứu.



Hình 9.7

3.3. Chú ý khi có thời tiết xấu và thiên tai

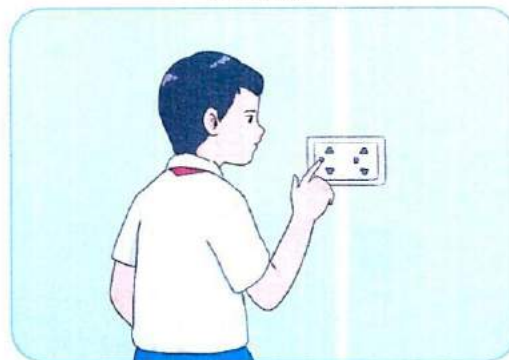
Tránh tụ tập hoặc trú ẩn dưới các gốc cây to, cột điện khi có mưa to và sấm sét. Không nên ra hành lang và sân trường trong lúc có mưa lớn tránh trơn trượt. Tan học, nếu gặp thời tiết xấu hãy đứng ở khu vực an toàn của trường đợi phụ huynh đến đón, hoặc đảm bảo an toàn với các đồ dùng phòng tránh (như áo mưa, ủng,...).



Hình 9.8

3.4. Đảm bảo an toàn trong phòng thí nghiệm và các phòng học bộ môn

Không đùa nghịch các vật sắc nhọn, chọc phá các ổ điện. Không tự sử dụng các thiết bị trong phòng thí nghiệm nếu chưa có sự hướng dẫn và cho phép của các thầy cô, bởi điều này có thể gây nguy hiểm đến tính mạng bản thân và các bạn.



Hình 9.9

3.5. Giữ vệ sinh và an toàn thực phẩm

Không mua, không ăn đồ ăn vặt, đồ uống, thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ ngoài cổng trường. Nên ăn sáng ở nhà trước khi đến lớp để đảm bảo sức khỏe tham gia học tập và các hoạt động của nhà trường.



Hình 9.10



4. Dựa trên nội dung ứng phó với các tình huống nguy hiểm để đảm bảo an ninh, an toàn trong trường học, em hãy ghi ra giấy ít nhất 10 biện pháp em đã thực hiện để đảm bảo an toàn cho bản thân khi ở trường học và chia sẻ cùng các bạn.

5. Em hãy tìm hoặc xây dựng một tình huống mất an toàn, an ninh trong trường học và đề xuất giải pháp để ứng phó đảm bảo an toàn.



6. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 từ) hoặc vẽ bức tranh về ngôi trường an toàn trong ước mơ của em.

7. Hiện nay chúng ta đang phải cùng chung sống với một số loại dịch bệnh có nguy cơ lây lan, bản thân các em cần phải làm gì để có thể đảm bảo an toàn trước các dịch bệnh khi đến trường?

Chủ đề 5 MÔI TRƯỜNG

10

ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở TỈNH QUẢNG NINH

- Trình bày được những hiểu biết cơ bản về điều kiện tự nhiên tạo nên sự đa dạng sinh học tại Quảng Ninh và có ý thức bảo vệ đa dạng sinh học của tỉnh.
- Học sinh sưu tầm được những tài liệu về đa dạng sinh học và sự cần thiết bảo vệ đa dạng sinh học tại Quảng Ninh hoặc địa phương nơi học sinh sống, học tập.



Tỉnh Quảng Ninh được ví như nước Việt Nam thu nhỏ có vị trí địa lí thuận lợi với bờ biển dài 250km và điều kiện tự nhiên với nhiều dạng địa hình đồi núi, đồng bằng, các đảo và thềm lục địa. Đó chính là cơ sở để tạo nên một hệ động, thực vật phong phú, đa dạng cao với nhiều quần thể có giá trị kinh tế cũng như giá trị khoa học, giáo dục. Mỗi người dân Quảng Ninh đều phải có ý thức và những hành động cụ thể để bảo vệ sự đa dạng sinh học, đó cũng chính là bảo vệ cuộc sống của chính mình.



1. Điều kiện tự nhiên tạo nên sự đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ninh

1.1. Tài nguyên rừng

Tính tới thời điểm năm 2021, tổng diện tích rừng và đất rừng trên địa bàn tỉnh là 436.014,3 ha. Trong đó: Diện tích có rừng là 370.237,2 ha; diện tích chưa có rừng là 65.777,1 ha. Như vậy, tổng diện tích rừng và đất rừng của tỉnh hiện có chiếm khoảng 70% tổng diện tích tự nhiên, tỉ lệ che phủ rừng hiện nay của Quảng Ninh đã đạt khoảng 55%.

Tổng diện tích rừng tự nhiên của Quảng Ninh là 122.324,9 ha; tổng diện tích rừng trồng là 247.912,3 ha. Phần lớn diện tích rừng là rừng trên núi đất với tổng diện tích là 318.437,2 ha; diện tích rừng trên đất ngập nước là 19.686 ha, rừng trên cát là 480,1 ha. Tổng diện tích rừng đặc dụng là 29.836 ha; rừng phòng hộ là 133.112,1 ha; rừng sản xuất là 259.658,1 ha.

Phân loại theo kiểu rừng: Rừng gỗ, bao gồm rừng gỗ lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá, rừng gỗ lá rộng rụng lá, rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim có diện tích 105.803,1 ha; rừng tre nứa có diện tích 1.368,5 ha; còn lại là rừng hỗn giao gỗ và tre nứa với diện tích 15.587,2 ha.

Rừng trồng của tỉnh: Rừng trồng cây đặc sản (chủ yếu là thông nhựa, quế, hồi), rừng trồng keo 162.054,4 ha; bạch đàn 11.752,2 ha. Diện tích trồng cây bản địa khoảng 50.139,4 ha với 23 loài cây bản địa như: thông nhựa, phi lao, sa mộc, thông Caribe, lim xanh, mỡ, xoan,...

1.2. Tài nguyên biển

Quảng Ninh có bờ biển dài khoảng 250 km, diện tích mặt biển trên 6.000 km², có khoảng 43.093 ha rừng ngập mặn và bãi triều là môi trường sống của nhiều giống hải sản có giá trị kinh tế cao. Vùng biển Quảng Ninh có nhiều vũng, vịnh kín gió dọc theo bờ biển như Vân Đồn, Tiên Yên, Hải Hà, Cô Tô; đặc biệt là vịnh Hạ Long với diện tích 1.553 km². Đây là điều kiện thuận lợi góp phần tạo nên sự đa dạng sinh học của tỉnh Quảng Ninh.



Em hãy sử dụng những phương tiện hiện có của mình để tìm kiếm và liệt kê những loại thực vật và động vật của Quảng Ninh có giá trị về mặt khoa học và giá trị kinh tế cao.

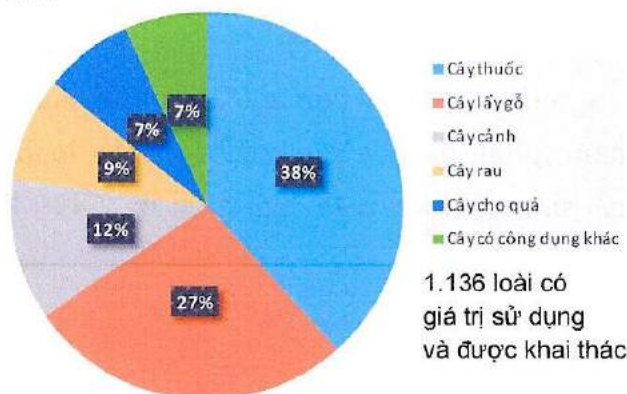
2. Sự đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ninh

Hệ sinh vật tại Quảng Ninh được đánh giá là giàu về thành phần loài và các thứ bậc phân loại.

2.1. Hệ sinh vật trên cạn

– Thực vật: Trong tổng số 1.871 loài thực vật của tỉnh Quảng Ninh, có 1.136 loài có giá trị sử dụng và được khai thác phục vụ người dân (chiếm 60,72%). Quảng Ninh có 102 loài thuộc 45 họ thực vật, bị đe dọa ở các mức độ khác nhau.

– Động vật rừng: Quảng Ninh hiện có khoảng 249 loài thuộc 79 họ và 28 bộ của 4 lớp động vật là thú; chim; bò sát và lưỡng cư (bảng 10.1).



Tỉ lệ các nhóm cây có giá trị sử dụng và được khai thác ở Quảng Ninh

1.136 loài có giá trị sử dụng và được khai thác

Nhóm động vật	Số loài	Số loài quý hiếm	Ghi chú
Thú	93	35	Sách đỏ Việt Nam (2007)
Chim	227	25	Sách đỏ Việt Nam (2007)
Lưỡng cư-bò sát	132	27	22 loài trong Sách đỏ Việt Nam (2007)
Côn trùng	1,094	15	Sách đỏ Việt Nam (2007)

Bảng 10.1. Thống kê số loài trong nhóm động vật rừng

2.2. Hệ sinh vật dưới nước

– Động vật nổi: Quảng Ninh có 77 loài động vật nổi thuộc các nhóm giáp xác chân chèo; giáp xác râu ngành; trùng bánh xe; vỏ bao; giun nhiều tơ; tuyến trùng; ấu trùng thân mềm và ấu trùng côn trùng.

– Động vật đáy: Thành phần loài động vật đáy ở các thủy vực nước ngọt tại Quảng Ninh khá đa dạng, có các đại diện từ sông, suối vùng núi và trung du cho tới vùng đồng bằng. Ví dụ: ốc gạo, tôm gai, tôm càng,...

– Cá nước ngọt tỉnh Quảng Ninh có 80 loài. Trong đó có 4 loài cá nước ngọt có trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và 5 loài là loài đặc hữu.

– Thân mềm: 438 loài, 226 giống, 98 họ thuộc 8 phân lớp và 3 lớp.

– Sinh vật biển tỉnh Quảng Ninh giàu về thành phần loài và các thứ bậc phân loại. Số loài sinh vật biển được biết hiện có 2.439 loài (bảng 10.2)

Nhóm sinh vật biển	Số loài
Động vật đáy	800
Thực vật phù du	398
Cá biển	210
San hô	157
Động vật phù du	156
Rong biển	127
Thực vật ngập mặn	39
Hải miên	29
Cò biển	8
Rùa biển	4
Các sinh vật khác	511

Bảng 10.2. Thống kê số loài sinh vật biển



Em hãy sử dụng những phương tiện hiện có của mình để tìm kiếm những thông tin về những khu vực có sự đa dạng sinh học cao và sản lượng khai thác các loại nông, lâm, thủy, hải sản của Quảng Ninh dựa trên những thế mạnh về đa dạng sinh học của tỉnh.

3. Vấn đề suy giảm đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ninh

3.1. Suy giảm rừng tự nhiên

Hiện nay, diện tích các loại rừng nguyên sinh, rừng giàu đa dạng sinh học đang bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân như: chuyển đổi mục đích sử dụng đất; cháy rừng, chặt phá rừng, khai thác gỗ trái phép, đốt nương làm rẫy, làm đường giao thông, mở rộng đô thị, khai thác khoáng sản,... đã và đang làm giảm diện tích rừng, hình thành rào cản sự di cư của các loài sinh vật và mất các sinh cảnh tự nhiên. Những tác động xấu từ các

hoạt động của con người nói trên còn dẫn đến suy giảm chất lượng của các hệ sinh thái rừng tự nhiên, làm mất nhiều loài động, thực vật quý hiếm, tăng xói mòn đất, thay đổi khả năng điều hoà nước và biến đổi khí hậu,... Suy thoái hệ sinh thái dẫn đến mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của con người, đe dọa sự phát triển bền vững.

3.2. Suy giảm hệ sinh thái biển

Hoạt động nuôi trồng thuỷ sản và san lấp mặt bằng, quy hoạch các khu dân cư là những nguyên nhân chính gây tác động đến hệ sinh thái vùng ven biển của tỉnh. Trong những năm gần đây, san hô ở vùng ven biển Quảng Ninh suy giảm rất mạnh: Quần đảo Cô Tô giảm đến 90% về diện tích và độ phủ, khu vực vịnh Hạ Long giảm khoảng 30% so với những năm 1995. Hiện nay, không còn rạn san hô nào thuộc loại rạn rất tốt (độ phủ san hô sống trên 75%), chỉ còn duy nhất 1 rạn thuộc loại tốt (độ phủ trong khoảng 51-75%) ở Bái Tử Long, còn lại đều thuộc loại nghèo và trung bình.

Việc san lấp biển, xây dựng các công trình hạ tầng, khai thác khoáng sản và hoạt động giao thông vận tải thuỷ đã gây ra sự suy thoái, làm mất các sinh cảnh tự nhiên, mất môi trường sống và làm giảm chức năng sinh thái của thuỷ vực, gây hại nghiêm trọng và lâu dài tới sự sống còn của các loài thuỷ sinh.

Việc khai thác quá mức các loại thuỷ, hải sản dẫn đến sự sụt giảm nghiêm trọng số lượng cá thể trong tự nhiên và nguy cơ biến mất của nhiều loài có giá trị cao.

3.3. Suy giảm hệ động thực vật

Đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh đã bị suy giảm đáng kể biểu hiện qua sự suy giảm diện tích rừng tự nhiên, đặc biệt diện tích rừng nguyên sinh đang dần bị thay bằng rừng thứ sinh. Rừng trở nên nghèo về trữ lượng cũng như số lượng gây suy giảm hệ động thực vật của rừng.

Hoạt động săn bắn trái phép động vật rừng diễn ra trong thời gian dài, là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụt giảm nghiêm trọng số lượng cá thể động vật rừng cũng như sự tuyệt chủng của một số loài. Những loài thực vật có giá trị cao thường bị săn lùng ráo riết và dần biến mất trong tự nhiên.

Các loài cá, động vật thuỷ sinh ngày càng suy giảm do hoạt động khai thác, đánh bắt mang tính hủy diệt, cũng như do ô nhiễm nguồn nước từ các hoạt động khai thác khoáng sản, giao thông vận tải thuỷ và các hoạt động phát triển kinh tế khác.

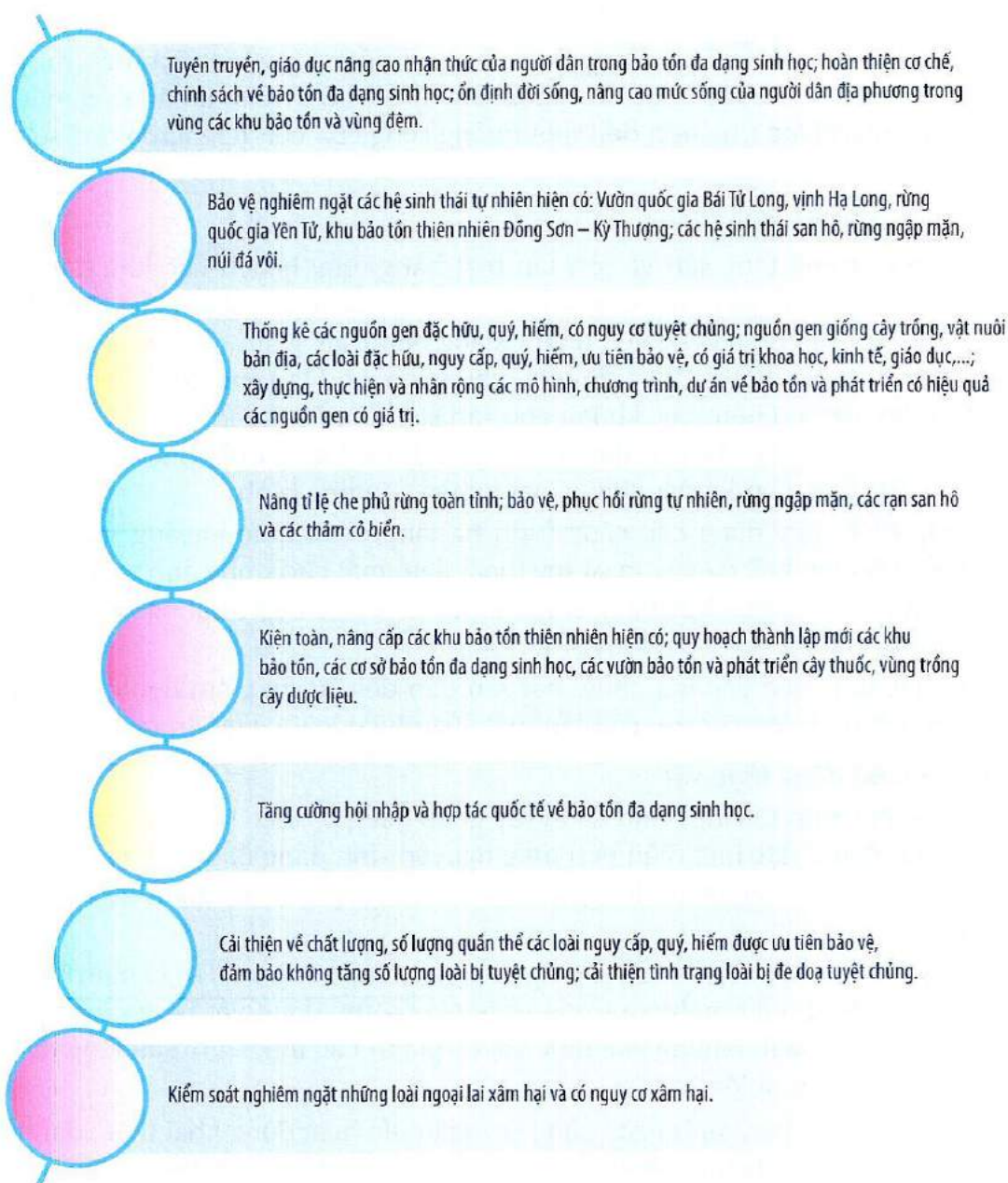


Em hãy nêu những biểu hiện suy giảm đa dạng sinh học tại địa phương nơi em sinh sống; xác định nguyên nhân chủ yếu gây ra sự suy giảm đó.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Ninh

4.1. Mục tiêu

Mục tiêu chung: Bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài, nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm; trên cơ sở đó, từng bước khôi phục các hệ sinh thái gắn liền với các định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.



Những mục tiêu cụ thể để bảo tồn đa dạng sinh học

4.2. Những biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học của Quảng Ninh

4.2.1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân

– Cung cấp những hiểu biết cơ bản cho người dân, đặc biệt là học sinh các trường phổ thông về đa dạng sinh học và vai trò của nó đối với đời sống của người dân tỉnh Quảng Ninh; những nguy cơ, hậu quả của sự suy giảm đa dạng sinh học của địa phương.

– Thực hiện tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về thực hiện các quy định của Nhà nước và pháp luật về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững,...

– Thực hiện khen thưởng những thành tích trong công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; đưa các thông tin về việc vi phạm và xử lý vi phạm các quy định của nhà

nước và pháp luật về đa dạng sinh học của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn lên các phương tiện thông tin đại chúng.

4.2.2. Sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực vật chất

– Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ đa dạng sinh học.

– Huy động các nguồn lực vật chất để bảo tồn đa dạng sinh học là nhóm biện pháp quan trọng bao gồm: Xã hội hoá các nguồn vốn, kết hợp hình thức bảo tồn và du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn, thu phí dịch vụ môi trường đối với các dịch vụ du lịch sinh thái, dịch vụ nghiên cứu khoa học, để tăng nguồn lực thực hiện nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học; lồng ghép công tác bảo vệ phát triển đa dạng sinh học với các dự án phát triển dịch vụ du lịch.

– Tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác quốc tế từ các tổ chức và các quốc gia như IUCN, WWF (Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên), Nhật, Đan Mạch, Mĩ,... để thực hiện các nhiệm vụ về bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực, đa phương diện trong bảo tồn đa dạng sinh học; phối hợp quản lý hành lang đa dạng sinh học, tuyến di cư xuyên biên giới của các loài; bảo vệ các loài di cư; phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin, thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ đa dạng sinh học giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong tỉnh, giữa tỉnh Quảng Ninh với các tỉnh và quốc gia lân cận.

4.2.3. Nâng cao năng lực của đội ngũ nhân lực

– Chú trọng tuyển chọn những người có năng lực chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản tại các cơ sở đào tạo về tài nguyên, môi trường để làm việc cho các cơ quan bảo vệ đa dạng sinh học của tỉnh Quảng Ninh.

– Nâng cao chất lượng làm việc của các cơ quan quản lý, giám sát đa dạng sinh học của tỉnh và những cán bộ có liên quan đến bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học thông qua trao đổi, hợp tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên.

4.2.4. Ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại

– Ứng dụng những công nghệ mới phục vụ cho công tác chuyên môn: Công nghệ nuôi cấy mô tế bào, nhân giống các loài thực vật quý hiếm,...

– Triển khai những đề tài nghiên cứu khoa học bảo tồn và phát triển những giống cây, con có giá trị kinh tế cao: ba kích, mai vàng, ngán, sá sùng, cua biển,...

– Sử dụng những trang thiết bị hiện đại để kiểm tra, giám sát; xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, xây dựng mạng lưới giám sát đa dạng sinh học. Điều tra cụ thể nguồn tài nguyên đa dạng sinh học, các hệ sinh thái đặc trưng, các loài động thực vật quý hiếm, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên,... của tỉnh Quảng Ninh, từ đó đưa ra các giải pháp bảo tồn, bảo vệ phù hợp. Sử dụng những công nghệ hiện đại để điều tra thực trạng, quản lý và có biện pháp ngăn chặn sự xâm hại của các sinh vật ngoại lai có hại.

4.2.5. Công tác quản lý nhà nước về đa dạng sinh học

– Tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng, ban hành cơ chế chính sách, các văn bản liên quan đến lĩnh vực bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học của tỉnh để thúc đẩy phát

triển hiệu quả các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. Trong đó, nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học gắn liền với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Khi xây dựng các dự án có nguy cơ ảnh hưởng tới sự đa dạng sinh học đều phải có đánh giá đầy đủ hiện trạng môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học, phương thức sử dụng tài nguyên, các tác động của dự án đến môi trường, đa dạng sinh học, để có thể xem xét việc triển khai dự án đó.

– Tỉnh Quảng Ninh đã tích cực bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác, sản xuất, chế biến tài nguyên khoáng sản than, vật liệu xây dựng,... nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái bằng nhiều giải pháp đồng bộ: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác trồng rừng, sử dụng hiệu quả đất rừng, tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường cảnh báo, ngăn chặn kịp thời các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội có tác động tiêu cực đến môi trường sống, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng môi trường, hệ sinh thái phục vụ các mục tiêu về phát triển du lịch bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển nguồn lợi từ thiên nhiên.

4.2.6. Bảo tồn đa dạng sinh học gắn với đời sống người dân

– Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm phát triển kinh tế cho người dân trong và xung quanh những khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh; xây dựng kế hoạch và đầu tư phát triển vùng đệm của các khu bảo tồn đảm bảo điều kiện sống của người dân, hạn chế tối đa sự tác động tiêu cực của người dân đối với tự nhiên.

– Tạo điều kiện tăng thu nhập nhằm ổn định cuộc sống lâu dài cho người dân bằng cách thực hiện các mô hình phát triển sinh kế cộng đồng, phát huy kiến thức bản địa của cộng đồng về bảo tồn và phát huy giá trị đa dạng sinh thái, chú trọng phát triển du lịch sinh thái dựa trên vẻ đẹp của cảnh quan tự nhiên và đặc hữu về đa dạng sinh học có sự tham gia của người dân địa phương; ưu tiên hỗ trợ người dân, chia sẻ lợi ích hài hoà cho người dân trên cơ sở khai thác lợi thế của các khu bảo tồn.

– Thực hiện lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học ứng phó với biến đổi khí hậu tại Quảng Ninh.



Em hãy tìm tên những loài sinh vật quý hiếm tại Quảng Ninh và chỉ ra những hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học tại địa phương nơi em sinh sống.



5. Em hãy tìm hiểu và mô tả hoạt động của một khu bảo tồn thiên nhiên tại tỉnh Quảng Ninh.



6. Hãy lập một kế hoạch hoạt động nhóm bảo vệ thực vật/động vật bản địa của địa phương em hoặc một kế hoạch hoạt động nhóm ngăn chặn sự xâm thực của sinh vật ngoại lai gây hại tại địa phương.

THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	SỐ TRANG
1	An ninh, an toàn trong trường học	75
2	Công nghệ số (hay còn gọi là chuyển đổi số)	63
3	Công ti độc quyền	18
4	Da gai	29
5	Danh lam thắng cảnh	22
6	Di tích lịch sử	22
7	Di tích quốc gia đặc biệt	22
8	Đa dạng nguồn gen	32
9	Đa dạng về hệ sinh thái	23
10	Đa dạng sinh học	24
11	Động vật phù du	30
12	Giáp xác	29
13	GRDP	57
14	Khổ xanh	9
15	Khởi nghĩa	10
16	Khu kinh tế cửa khẩu	59
17	Khu kinh tế ven biển	59
18	Nhượng địa	9
19	Thực vật phù du	30
20	Trần	6
21	Văn tự	15

NGUỒN TÀI LIỆU ẢNH

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này:

STT	Nguồn	Hình
1	Đỗ Giang, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh	Ảnh bìa
2	Cổng thông tin điện tử xã Vạn Yên, huyện Vân Đồn	Hình 1.1
3	Đặng Hoa (Bảo tàng Quảng Ninh)	Hình 2.1
4	Mai Linh (TT Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 2.2,
5	Khánh Giang (TT Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 2.3, 2.4
6	Dương Phương Đại	Hình 3.4, 3.8
7	Công ti Cổ phần phát triển Tùng Lâm	Hình 4.3
8	Ngô Đình Dũng (Phòng Văn hoá và Thông tin thị xã Quảng Yên)	Hình 4.4
9	Ban Quản lí Khu di tích nhà Trần thị xã Đông Triều	Hình 4.5
10	Ban quản lí di tích quốc gia đặc biệt đền Cửa Ông – Cặp Tiên	Hình 4.6
11	Nguyễn Đỗ Quang (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 4.7
12	Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh	Hình 4.1
13	Hà Thị Hải Yến	Hình 4.2; 5.6; 5.13
14	Ban Quản lí vịnh Hạ Long	Từ hình 5.1 đến 5.5; Từ hình 5.7 đến 5.12
15	Đỗ Giang (Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Hình 6.1
16	Phan Thị Thuý Vân (Bảo tàng Quảng Ninh)	Hình 6.4; 6.5; 6.6; 6.7; 6.8
17	Vân Du (TT Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 6.9

STT	Nguồn	Hình
18	Nguyễn Thanh Tùng, Phó Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao tỉnh Quảng Ninh	Hình 6.10
19	Nguyễn Hội	Hình 6.11
20	Đỗ Phương (TT Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 7.3
21	Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh	Hình 7.8
22	Đỗ Phương (TT Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 7.9
23	Nguyễn Thanh (baoquangninh.com.vn)	Hình 7.10
24	Hải Hà (TT Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 7.11
25	Thanh Hằng (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 8.1
26	Hoàng Nga (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 8.5
27	Cao Quỳnh (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 8.3
28	Hoàng Mạnh Trường (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 8.4
29	Phạm Cường (Công ty Cổ phần than Vàng Danh)	Hình 8.2
30	Đỗ Phương (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 8.6
31	Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh	Hình 8.7
32	Thu Nguyệt (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)	Hình 8.8
33	Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh	Hình 8.9

Báo Quảng Ninh điện tử, trang thông tin điện tử các thành phố, các huyện của tỉnh Quảng Ninh.

